

**ĐẢNG BỘ HUYỆN LONG THÀNH**

324.259 775

ĐC

L 302 S



**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
HUYỆN LONG THÀNH  
(1930 - 2015)**



**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI**

*LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN LONG THÀNH  
(1930-2015)*



ĐẢNG BỘ HUYỆN LONG THÀNH

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
**HUYỆN LONG THÀNH**  
(1930-2015)

THU VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI  
SÁCH TẶNG

001674

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**• BAN CHỈ ĐẠO:**

1. ThS. Nguyễn Văn Đước, Tỉnh ủy viên, Bí thư HU, Trưởng Ban
2. ThS. Đào Văn Minh, Phó Bí thư HU, Phó Ban trực
3. Lê Văn Ý, Phó Bí thư HU, Chủ tịch UBND huyện, Phó Ban
4. ThS. Lê Sơn Lâm, UVTV HU, Trưởng Ban Tuyên giáo HU, Phó Ban
5. Phạm Thị Hồng Mến, UVTV HU, Trưởng Ban Tổ chức, ủy viên
6. ThS. Lê Văn Trung, UVTV HU, Trưởng Ban Dân vận, ủy viên
7. ThS. Lê Thanh Tiền, UVTV HU, Chủ nhiệm UBKT, ủy viên
8. Huỳnh Văn Sơn, UVTV HU, Phó Chủ tịch UBND, ủy viên
9. ThS. Nguyễn Thị Hoàng Trinh, UVTV HU, Phó Chủ tịch UBND, ủy viên

**• BAN BIÊN SOẠN**

1. PGS-TS. Huỳnh Văn Tới, Chủ Biên
2. ThS. Trần Quang Toại, thành viên
3. ThS. Phan Đình Dũng, thành viên
4. CN Huỳnh Tấn Bửu, thành viên
5. ThS. Lê Sơn Lâm, UVTV HU Trưởng ban Tuyên giáo HU, thành viên

**• TỔ THƯ KÝ**

1. Đoàn Trung Kiên, chuyên viên Ban Tuyên giáo TU, Tổ trưởng
2. Phan Thị Cảnh, HUV, phó Trưởng Ban Tuyên giáo HU, Tổ phó
3. Lê Thị Mỹ Tiên, chuyên viên Ban Tuyên giáo HU, thành viên

**• TỔ GIÚP VIỆC**

1. ThS. Huỳnh Minh Thảo, HUV, Chánh văn phòng Huyện ủy, Tổ trưởng
2. ThS. Nguyễn Thị Mộng Thu, Trưởng phòng Tài chính huyện, Tổ phó
3. Nguyễn Thị Thanh Trà, kế toán VP HU, thành viên.



# LỜI GIỚI THIỆU

**L**ong Thành là huyện có lịch sử hình thành và phát triển cùng lịch sử Biên Hòa – Đồng Nai hơn 310 năm. Nhân dân huyện Long Thành có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp ngay khi chúng nổ súng xâm lược tỉnh Biên Hòa (12/1861).

Trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, Long Thành là địa phương sớm có chi bộ Đảng Cộng sản (1944) và tổ chức Mặt trận Việt Minh của huyện (1944), là yếu tố quan trọng để lãnh đạo nhân dân trong huyện làm nên cách mạng tháng Tám 1945 ở địa phương.

Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) nhân dân địa phương (nông dân, công nhân và người lao động) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã đoàn kết một lòng chung tay góp sức, đấu tranh kiên cường, vượt qua nhiều gian khổ, thử thách hi sinh, lập nhiều thành tích trên các mặt trận xây dựng lực lượng, căn cứ, hậu cần; phát triển cơ sở cách mạng, đấu tranh vũ trang, góp sức cùng cả tỉnh hoàn thành nhiệm vụ lịch sử, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Chiến khu Rừng Sác, chiến khu Phước An (trong kháng chiến chống thực dân Pháp và trước năm 1960 thuộc huyện Long Thành), Sông Buông, Suối Cả, Bình Sơn, Phước Thái, Long Phước, Tam An... những địa danh lịch sử đã đi vào tâm thức của cán bộ, nhân dân và là niềm tự hào của Đảng bộ, nhân dân địa phương.

Truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và quân dân Long Thành trong đấu tranh 30 năm kháng chiến giành độc lập dân tộc là tài sản quý báu, cần được trân trọng giữ

gìn và phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong 40 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ và nhân dân Long Thành đã thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc, phát huy nội lực khắc phục hậu quả chiến tranh; đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc đổi mới, xây dựng phát triển hạ tầng cơ sở vật chất, mở mang các khu công nghiệp, giữ vững an ninh chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, từng bước xây dựng nông thôn mới để trở thành huyện công nghiệp hóa theo hướng hiện đại.

Những năm qua, Đảng bộ huyện Long Thành chủ trương, chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn các quyển sách lịch sử: *Long Thành những chặng đường lịch sử* (xuất bản năm 1988), *Long Thành 25 năm xây dựng và phát triển* (xuất bản năm 2002) và quyển *Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành (1930-1975)* (xuất bản năm 2008).

Thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*”; Thông tri số 18-TT/TU, ngày 14/5/2003 Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và lịch sử cách mạng địa phương. Ban Thường vụ Huyện ủy Long Thành chủ trương nghiên cứu biên soạn quyển *Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành 1930-2015*, trên cơ sở các quyển sách đã xuất bản và ý kiến bổ sung đầy trách nhiệm của các nhân chứng lịch sử nguyên là các đồng chí lãnh đạo của tỉnh, huyện trong thời kỳ kháng chiến, xây dựng và tư liệu lưu trữ để nâng cao chất lượng nội dung biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện và biên soạn mới giai đoạn 2001-2015.

Việc chỉnh lý bổ sung để biên soạn Lịch sử Đảng bộ huyện lần này nhằm mục đích làm sáng tỏ hơn sự ra đời, phát triển của



Đảng bộ địa phương, lãnh đạo các phong trào cách mạng góp phần cùng thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc và trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng trong tình hình mới; tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng bộ, quân và dân huyện Long Thành.

Đây cũng là công trình thiết thực kỷ niệm 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975-2015); chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ huyện Long Thành lần thứ XI, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Trong quá trình triển khai nghiên cứu, biên soạn, chúng tôi đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị nhân chứng lịch sử để tiếp cận với sự thật lịch sử trong phản ánh và biên soạn. Sự đóng góp ý kiến đầy trách nhiệm của những đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo của tỉnh Biên Hòa, Bí thư Huyện ủy và các đồng chí trong cấp ủy huyện Long Thành, cán bộ chủ chốt các ban ngành huyện trong các thời kỳ lịch sử là cơ sở quan trọng giúp chúng tôi chỉnh lý nội dung quyển sách từ kết cấu, bố cục đến nội dung phản ánh, cách thể hiện đảm bảo tính khoa học và khách quan của lịch sử. Riêng một vài ý kiến khác nhau về chi tiết những sự kiện, ban biên soạn đã ghi nhận, đưa vào phần chú thích lịch sử để tham khảo, tiếp tục nghiên cứu bổ sung sau này.

Tuy nhiên, tiếp cận và thể hiện trung thực, khách quan, đánh giá đúng lịch sử là một quá trình. Quyển sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành 1930-2015* chắc hẳn không tránh được những thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để công trình được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các đồng chí, đồng bào, cơ sở cách mạng, các nhà khoa học đã giúp chúng tôi hoàn thành quyển sách. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nguyễn Văn Được  
Tỉnh ủy viên,  
Bí thư Huyện ủy Long Thành



## PHẦN I

LONG THÀNH: ĐẤT NƯỚC,  
CON NGƯỜI, TRUYỀN THỐNG.  
ĐẢNG BỘ LONG THÀNH TỪ  
KHI THÀNH LẬP ĐẾN CÁCH  
MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

# Mở đầu

## ĐẶC ĐIỂM LONG THÀNH VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG

### I. ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ HUYỆN LONG THÀNH

#### 1. Địa lý hành chính qua các thời kỳ

Long Thành là một huyện của tỉnh Đồng Nai, trải dài dọc theo hai bên quốc lộ 51 (quốc lộ 15 cũ) từ ngã ba Vũng Tàu đến xã Phước Thái. Huyện Long Thành phía bắc giáp thành phố Biên Hòa; đông bắc giáp huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ; phía nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; tây nam giáp huyện Nhơn Trạch; tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh.

Huyện Long Thành có diện tích 534,82 km<sup>2</sup> gồm 19 đơn vị hành chính: Thị trấn Long Thành và 18 xã Long An, Long Phước, Tân Hiệp, Phước Thái, Phước Bình, An Phước, Tam Phước, Phước Tân, An Hòa, Bình Sơn, Cẩm Đường, Bàu Cạn, Lộc An, Tam An, Long Hưng, Long Đức, Bình An, Suối Trầu. Dân số toàn huyện 204.785 người gồm 7 cộng đồng dân tộc chính cùng sinh sống: Kinh (38.328 hộ), Châu ro (43 hộ), Stiêng (43 hộ), Hoa (317 hộ), Nùng (70 hộ), Chăm (37 hộ), Khmer (20 hộ).

Long Thành có lịch sử hình thành và phát triển trên 310 năm.

Theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn: Năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu sai Chuông Cơ Nguyễn Hữu Kính (tức Nguyễn Hữu Cảnh) vào làm kinh lược sứ vùng đất phương Nam. Ông đã sắp xếp lại bộ máy quản lý hành chính và chính thức đưa vùng đất mới trở thành một phần của Đại Việt. Ông lấy đất Đồng Nai thành lập phủ Gia Định gồm huyện Tân Bình (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) với dinh Phiên Trấn và huyện Phước Long (nay là Đồng Nai) với dinh Trấn Biên.

Long Thành vào năm 1698 là một tổng của huyện Phước Long. Năm 1808 (tức Gia Long năm thứ 7), Long Thành được nâng lên thành huyện thuộc phủ Phước Long trấn Biên Hòa gồm hai tổng Long Vĩnh Thượng (có 34 xã, thôn, phường ấp) và tổng Thành Tuy (có 9 thôn, ấp).

Đến năm 1820, quận Long Thành còn lại hai tổng Long Vĩnh và Thành Tuy với 53 thôn, phường. Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập địa bạ các tỉnh Nam bộ, trong đó có địa bạ tỉnh Biên Hòa. Minh Mạng thứ 18 (1837) huyện Long Thành chuyển về thuộc phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa. Hai tổng cũ được chia thành 4 tổng: Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ.

• *Tổng Long Vĩnh Thượng gồm 17 thôn bộ:*

- |                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| – Thôn An Hòa       | – Thôn An Hưng    |
| – Thôn An Xuân      | – Thôn Bình Dương |
| – Thôn Long An      | – Thôn Long Hòa   |
| – Thôn Long Trường  | – Thôn Phước Gia  |
| – Thôn Phước Khả    | – Thôn Phước Miên |
| – Thôn Phước Mỹ     | – Thôn Phước Quới |
| – Thôn Phước Tân    | – Thôn Phước Toàn |
| – Thôn Phước Trường | – Thôn Vĩnh Thọ   |
| – Hộ Thiết Tượng.   |                   |

• *Tổng Long Vĩnh Hạ gồm 11 thôn, phường, ấp:*

- Thôn Long Đại
- Thôn Long Thành
- Thôn Long Thạnh Tây
- Thôn Phú Thọ
- Thôn Phước Thiện
- Thôn Vĩnh Thuận.
- Thôn Long Phú Đông
- Thôn Long Thạnh Đông
- Phường Long Tuy
- Ấp Phước Hậu
- Thôn Phước Thời

• *Tổng Thành Tuy Thượng gồm 12 thôn:*

- Thôn Hương Mỹ
- Thôn Long Thành
- Thôn Phú Thạnh
- Thôn Phước Lộc Tây
- Thôn Tân Lộc
- Thôn Tuy Long
- Thôn Hữu Lộc
- Thôn Phú Lạc
- Thôn Phước Hòa Đông
- Thôn Phước Tiến
- Thôn Tập Phước
- Thôn Xuân Lộc.

• *Tổng Thạnh Tuy Hạ gồm 13 thôn, ấp:*

- Thôn Bình Phú
- Thôn Long Hiệu
- Ấp Mỹ Hội
- Thôn Phước Kiến
- Thôn Phước Thành
- Thôn Tân Tường
- Thôn Vĩnh Tuy.
- Thôn Hưng Thạnh
- Thôn Lương Phú Đông
- Thôn Phú Mỹ
- Thôn Phước Lai
- Thôn Phước Thạnh
- Thôn Tuy Thạnh

Năm 1863, sau khi đánh chiếm Biên Hòa và ba tỉnh miền Đông, thực dân Pháp giữ lại các đơn vị hành chính của nhà Nguyễn. Theo đó huyện Long Thành gồm 4 tổng, 58 làng, xã <sup>(1)</sup>.

---

<sup>1</sup> Bốn tổng là: Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ.



Năm 1867, tỉnh Biên Hòa được chia làm 5 sở Tham biện, trong đó có sở Tham biện Long Thành gồm 5 tổng Việt Nam, 5 tổng Thượng (tức tổng gồm người dân tộc thiểu số), 105 xã thôn.

Ngày 27/7/1871, thực dân Pháp giải thể sở Tham biện Long Thành, nhập ba tổng Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ, Long Vĩnh Thượng vào hạt thanh tra Biên Hòa, tổng Long Vĩnh Hạ thuộc về hạt thanh tra Sài Gòn.

Ngày 14/8/1925, quận Long Thành thuộc tỉnh Biên Hòa thành lập lại gồm có 4 tổng, 43 làng: Bình Lâm Thượng (có 8 làng); Long Vĩnh Thượng (có 8 làng); Thành Tuy Thượng (có 16 làng); Thành Tuy Hạ (có 11 làng).

Theo thời sự cầm nang năm 1939, quận Long Thành gồm 3 tổng:

– Tổng Long Vĩnh Thượng gồm 8 xã: An Hòa, Long Bình, Phước Tân, Long Hưng, Tam An, Tam Phước, An Lợi, Tân Hưng.

– Tổng Thành Tuy Thượng gồm 8 xã: Long An, Phước Mỹ, Phước Lai, Phước Lộc, Phước Thiện, Thái Thiện, Long Phước, Phước Hiệp.

– Tổng Thành Tuy Hạ gồm 6 làng: Phước An, Phước Lý, Phước Khánh, Phước Thạnh, Long Tân, Phú Hội.

Sau khi thực dân Pháp rút khỏi miền Nam, năm 1956 chính quyền Sài Gòn thống nhất gọi các làng là xã. Quận Long Thành gồm 2 tổng, 21 xã: Thành Tuy Thượng (có 14 xã); Thành Tuy Hạ (có 7 xã). Ngày 9/9/1960, chính quyền Sài Gòn tách một phần quận Long Thành <sup>(1)</sup> lập quận Nhơn Trạch <sup>(2)</sup>.

---

<sup>1</sup> Quận Long Thành có tổng Thành Tuy Thượng và 8 xã: Tam Phước, Tam An, An Lợi, Phước Lộc, Thái Thiện, Long Phước, Long An, Lộc An.

<sup>2</sup> Quận Nhơn Trạch gồm tổng Thành Tuy Trung với 6 xã: Phước Hội, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Mỹ, Phước Thiện. Tổng Thành Tuy Hạ

Với chính quyền kháng chiến, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phong trào kháng chiến địa phương, tổ chức hành chính và chiến trường huyện Long Thành nhiều lần được điều chỉnh:

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từ năm 1948 chuyển các quận gọi là huyện, huyện Long Thành thuộc tỉnh Biên Hòa. Từ tháng 5/1951 đến tháng 7/1954 thuộc tỉnh Bà Chợ (Bà Rịa – Chợ Lớn). Từ cuối năm 1960 tách một phần huyện Long Thành thành lập huyện Nhơn Trạch. Huyện Long Thành gồm 17 xã, thị trấn: Long Hưng, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước, An Lợi, Tam An, Phước Nguyên, Shiph (Long Đức), Thị trấn (Phước Lộc), Long An, Long Phước, Phước Thái, Bàu Cạn, Tân Hiệp, Lộc An, Bình Sơn, Cẩm Đường <sup>(1)</sup>.

Từ tháng 10/1966 lại nhập hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch thành huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Chuẩn bị cho cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968, tháng 10/1967 đến tháng 5/1971, huyện Long Thành thuộc Phân khu 4. Từ tháng 5/1971 đến tháng 10/1972 tách thành hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch thuộc Phân khu Bà Rịa. Từ tháng 10/1972 đến 30/4/1975, huyện Long Thành thuộc tỉnh Biên Hòa.

Tháng 1/1976, hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch nhập thành huyện Long Thành thuộc tỉnh Đồng Nai, gồm thị trấn Long Thành và 30 xã: Lộc An, Long An, Long Phước, Tân Hiệp, Phước Thái, An Phước, Tam An, Phước Nguyên, Tam Phước, Phước Tân, Shiph, Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Bàu Cạn, Long Hưng, Phước Long, An Lợi, An Hòa, Đại Phước, Vĩnh Thanh, Phước Thọ, Phước Kiểng, Phước Thiên, Phú Hội, Phước Khánh, Phú Hữu, Long Tân, Phú Thạnh, Phước Lai.

---

gồm 6 xã: Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Hữu, Phước Khánh, Vĩnh Thạnh, Long Tân.

<sup>1</sup> Nhơn Trạch gồm các xã: Phước Thiên, Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Hữu, Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Phước Kiểng.

Ngày 1/3/1980 đổi tên xã Shiph thành xã Long Đức. Ngày 17/1/1984 nhập hai xã Phước Long, Phước Thọ thành xã Long Thọ; nhập hai xã Phước Kiểng, Phước Lai thành xã Hiệp Phước; nhập hai xã An Lợi, Phước Nguyên thành xã An Phước. Ngày 12/2/1987 nhập hai xã An Hòa, Long Hưng thành xã Hòa Hưng.

Ngày 23/6/1994, Chính phủ ra Nghị định số 51/CP chia huyện Long Thành làm hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Huyện Long Thành gồm thị trấn Long Thành và 19 xã: Hòa Hưng, Phước Tân, Tam An, Tam Phước, Long Đức, Lộc An, Long Phước, An Phước, Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Bàu Cạn, Phước Thái, Tân Hiệp, Long An, hai xã lập lại là An Hòa, Long Hưng, hai xã mới Bình An và Bình Phước.

Huyện Long Thành, phía bắc giáp thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom; đông bắc giáp huyện Cẩm Mỹ; tây nam giáp huyện Nhơn Trạch; nam giáp huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; có diện tích 53.995,74 ha, dân số 213.568 người, gồm có thị trấn Long Thành và 18 xã: Bình Sơn, Bình An, Phước Bình, Tam Phước, Lộc An, Long Đức, An Phước, Long Phước, Suối Trầu, Cẩm Đường, Bàu Cạn, Phước Thái, Tân Hiệp, Long An, An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam An.

Năm 2010 chuyển 4 xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Phước Nguyên về thành phố Biên Hòa. Huyện Long Thành hiện còn thị trấn Long Thành và 14 xã: Bình Sơn, Bình An, Phước Bình, Tam Phước, Lộc An, Long Đức, An Phước, Long Phước, Suối Trầu, Cẩm Đường, Bàu Cạn, Phước Thái, Tân Hiệp, Tam An.

## **2. Đặc điểm tự nhiên**

Huyện Long Thành có diện tích canh tác chiếm tỉ lệ 25% còn lại là rừng. Rừng là nguồn lợi lớn của huyện Long Thành. Ở những xã ven sông Đồng Môn, tỉnh lộ 17, tỉnh lộ 19, quốc lộ 51, tới nay, vẫn còn dấu vết của rừng già xưa. Đó là những cây to đã mục, nằm sâu trong lòng đất. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ

cứu nước, rừng Long Thành bị bom đạn và thuốc khai hoang của Mỹ hủy diệt, đến nay không còn nữa, nhưng ở Xóm Chùa thuộc xã Phước Tân còn sót lại trên 50 cây dầu cao to, xen giữa những cây dầu là một cây sao, cao 35m, từ mặt đất đo lên 2m, thân cây ở đoạn này có đường kính tới 1,8m.

Rừng Long Thành là nơi có nhiều thú. Ở xã Phước An (trước đây thuộc huyện Long Thành) vẫn còn các con đường Tượng, rạch Tượng cho thấy xưa kia nơi đây còn nhiều voi hoang dã. Ở các xã Bình Sơn, Long An, Long Phước, Tân Thành, còn dấu vết của hang voi. Đến năm 1945, ở Long Thành vẫn còn thấy voi thỉnh thoảng về phá hoa màu của dân. Một lần, các chiến sĩ chi đội 25, chi đội 4 đã phục kích và bắn chết được hai con voi. Ở khu vực Bàu Cạn, Tân Hiệp, Suối Trầu, Cẩm Đường còn nhiều heo rừng. Đặc biệt khu Lòng Chảo có nhiều hươu nai. Ở xã Phước An có một hang của nai ở gọi là Hang Nai.

Bên cạnh rừng già bạt ngàn là khu Rừng Sác với diện tích 150 km<sup>2</sup>. Rừng Sác (Long Thành) nối liền với khu Rừng Sác thuộc huyện Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai) và huyện Tân Thành (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) có nhiều loại động vật, tôm cá, đặc biệt là loài cá sấu. Ở các ngọn sông Ông Kèo, sông Thị Vải, sông Đồng Môn, rạch Vũng Gấm, rạch Chà Là, rạch Vọp, rạch Muối đều có cá sấu. Trong chiến tranh chống Mỹ vào những năm 1966-1967, cá sấu đã gắp chết hai chiến sĩ đặc công thủy của Đoàn 10 Rừng Sác. Đến ngày nay vẫn còn thấy cá sấu.

Ngoài thú rừng ra, rừng cây bạt ngàn của huyện Long Thành là nơi sinh sống của nhiều loài chim. Vào mùa cạn, trên vùng sông rạch có le le, vịt trời, có bầy tới ba bốn trăm con. Thú rừng, chim muông nhiều, nên nghề săn bắt xưa kia rất thịnh hành. Có người đi săn một ngày được tới bốn năm chục con chim. Xã Phước Thái có một địa danh gọi là Quán Chim. Nơi đây những người tới bắt được chim đem bán cho khách qua đường trên



quốc lộ 15. Quán Chim trở thành địa danh nhiều người biết của huyện Long Thành.

Rừng Giồng, Rừng Sác (Long Thành) còn có nguồn lợi mật ong rất lớn. Mật ong có thể lấy được quanh năm, nhưng xuân hè là vụ chính đi lấy mật ong trong rừng Giồng (dân thường gọi là đi “ăn ong”). Vào thu đông thì dân thường ăn ong ở Rừng Sác. Nhiều gia đình coi việc đi lấy mật ong làm nguồn thu nhập quan trọng. Có tổ ong cho tới 15 lít mật.

Long Thành lại là một huyện có nhiều sông rạch. Phía tây nam có sông Đồng Nai dài 15km và sông Thị Vải dài 13km là địa bàn thuận lợi phát triển giao thông đường thủy. Phía đông lộ 15 (nay là quốc lộ 51), ngoài dòng suối Cả, sông Buông, sông Nhạn ra còn có hàng chục con suối lớn nhỏ, chảy qua các xã, cắt qua lộ 15 chảy về phía tây. Sông, rạch huyện Long Thành phần lớn tập trung phía tây lộ. Những con sông nổi tiếng như sông Lòng Tàu, sông Đồng Nai, Đồng Môn, Đồng Tranh, sông Ông Kèo, với hàng trăm rạch, tắc chằng chịt là một mạng lưới giao thông quan trọng, đồng thời là một nguồn thủy sản vô tận. Những đặc sản nổi tiếng phải kể đến bong bóng cá đường, tôm, là những loại hàng xuất khẩu có giá trị, thu nhập cao. Nhiều xã vùng ven sông, đồng bào đã lấy nghề chài lưới, đăng câu là nghề thu nhập chính, điển hình như các xã Phú Hữu, Phước Khánh.

Ngoài thú rừng, chim muông, tôm cá, Long Thành còn nổi tiếng về vườn cây ăn trái. Vườn cây Long Thành có diện tích trên 100 hecta với nhiều loại cây ăn quả nổi tiếng như sầu riêng, chôm chôm, nhãn, măng cầu... ở Tam An, Tam Phước... Bên cạnh những mảng vườn xum xuê hoa trái trĩu quả là những cánh đồng lúa xanh như một tấm thảm, bao bọc xóm làng. Trên cao tủa lúa hạt, dưới trũng trồng lúa nước. Toàn huyện xã nào cũng có ruộng để cấy lúa. Những xã có nhiều diện tích cấy lúa là Long An, Long Phước, Tam Phước, Tam An.

Vùng Bình Sơn, An Viễn, Cẩm Đường, Suối Trầu, Lộc An có đất đỏ ba zan có điều kiện phát triển các loại cây công nghiệp. Từ năm 1917 thực dân Pháp đã khai hoang tiến hành trồng cao su.

### 3. Đặc điểm nhân văn

Long Thành có nhiều nguồn nước ngọt, trong đó gần khu Cầu Xéo thuộc thị trấn Long Thành có giếng Hộc, mạch nước phun lên bằng mặt giếng. Theo *Biên Hòa sử lược*: “Long Thành có mỏ sắt ở khu vực Nồng Thiết Sơn, ở về phía tây bắc cách trung tâm huyện 19 dặm”. Ven theo tỉnh lộ 17 ở một số xã có loại đá sỏi đỏ, dùng rải đường rất tốt. Ở xã Bình Sơn thuộc khu vực cầu Ông Trữ, có loại đá rửa dùng tô nhà.

Long Thành xưa giàu đẹp đã khắc sâu vào lòng mọi người bằng những câu ca dao:

*Suối Mạch Bà, trà Phú Hộ*

*Sầu riêng An Lợi, chuối già Long Tân*

*Cá Buôi, sò huyết Phước An*

*Gạo thom Phước Khánh, tôm càng Tam An.*

Ngày nay Long Thành đang là một huyện trên đà phát triển theo hướng công nghiệp. Trên quốc lộ 51, khu công nghiệp Gò Dầu, Vedan được Chính phủ phê duyệt và đi vào hoạt động. Khu công nghiệp Tam Phước, An Phước và cụm công nghiệp Gạch ngói xã An Phước đang trong quá trình hình thành. Về khoáng sản, Long Thành có tiềm năng về khoáng sản như đất sét cho sản xuất gạch ngói, đá và cát cho vật liệu xây dựng.

Về tiềm năng du lịch kết hợp văn hóa, huyện Long Thành có làng cổ Bến Gỗ gồm các xã An Hòa, Long Hưng<sup>(1)</sup>, một phần xã Phước Tân (huyện Long Thành) và phường Long Bình Tân (Biên

---

<sup>1</sup> Từ năm 2010 đã chuyển giao về thành phố Biên Hòa.

Hòa) ngày nay, vườn cây trái ở Tam Phước, có khả năng phát triển.

Lăng mộ Tổng lãnh binh Nguyễn Đức Ứng và các nghĩa binh, hi sinh anh dũng trong ngày thực dân Pháp đánh chiếm Long Thành (26/12/1861) đã được công nhận là di tích cấp quốc gia và được trùng tu tôn tạo với quy mô lớn. Đây là một địa điểm ghi đậm truyền thống đấu anh của quân dân Long Thành trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ đất nước; một địa chỉ giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và du khách tham quan.

Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa thuộc ấp A9, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, là cơ quan đầu não của Tỉnh ủy Biên Hòa trong giai đoạn 1961-1975. Từ căn cứ này Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho các lực lượng vũ trang của tỉnh kết hợp với chủ lực Miền, chủ lực Quân khu miền Đông đánh Mỹ tại nhiều địa điểm như kho xăng Nhà Bè, Tổng kho liên hợp Long Bình và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử góp phần quan trọng vào việc thống nhất đất nước. Tại khu di tích này ngoài nhà Bia, nhà trưng bày còn có tượng đài Tiểu đoàn 240 Biên Hòa anh hùng. Đây cũng là địa điểm giáo dục và họp mặt truyền thống của các cựu cán bộ, chiến sĩ nhân dân trong tỉnh <sup>(1)</sup>.

---

<sup>1</sup> Năm 2005, Huyện ủy, UBND huyện Long Thành đã lập bản đồ vị trí di tích căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa trong khuôn viên đất rộng khoảng 7 ha tại Nông trường Cao su Bình Sơn và đã được UBND tỉnh chấp thuận cấp phép xây dựng. Khu di tích bao gồm các hạng mục:

– Khu nhà bia: được xây dựng kiên cố bằng xi măng cốt thép. Trên mặt bia phía trước giới thiệu về quá trình hình thành, chiến đấu của căn cứ. Mặt phía sau bia ghi tên các đồng chí Bí thư, lãnh đạo căn cứ qua các thời kỳ.

– Nhà truyền thống: được dùng để trưng bày hình ảnh, kỷ vật, tư liệu về đời sống, sinh hoạt, chiến đấu của các đồng chí lãnh đạo, cán bộ và chiến sĩ trong căn cứ.

– Cụm tượng đài, tranh hoành tráng Tiểu đoàn 240: thể hiện các hoạt động sinh hoạt, chiến đấu của Tiểu đoàn. Biểu tượng bất khuất của người

Đình An Hòa, một thiết chế văn hóa, tín ngưỡng dân gian được xếp hạng di tích cấp tỉnh có kiến trúc độc đáo cổ truyền, còn giữ được nhiều hiện vật, liễn đối tinh tế, một nét văn hóa truyền thống ở địa phương.

Nhà thờ Bến Gỗ được xây dựng từ năm 1932, một cơ sở tín ngưỡng còn giữ được những nét kiến trúc độc đáo.

Long Thành nổi tiếng về đua thuyền từ đầu thế kỷ XIX. Thuyền làm bằng gỗ nhẹ dài 16m, rộng 1,6m. Đội thuyền 24 người gồm một chỉ huy, một phách nhì đánh phèng chiêng cổ vũ, một múc nước, một xà bát đứng lái, năm cặp giữa khoang, năm cặp đốc hậu. Ngày nay, truyền thống đua thuyền Long Thành vẫn còn giữ được, hằng năm đều có đội đua tham dự các giải địa phương, giải tỉnh và từng đại diện khu vực tham gia thi toàn quốc. Đây là một loại hình văn hóa, thể thao dân gian truyền thống, góp phần làm phong phú cuộc sống văn hóa tinh thần ở địa phương; đồng thời có thể khai thác, thu hút khách du lịch trong các dịp lễ hội.

Về tôn giáo tín ngưỡng đại đa số nhân dân Long Thành mang tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên. Đạo Công giáo du nhập vào Long Thành từ năm 1844 chiếm 11% dân số. Đạo Cao Đài do xã Tồn, đốc Quế mang về Long Thành vào năm 1936 chiếm 13% dân số. Tịnh độ cư sĩ và đạo Tin Lành chiếm 4% dân số. Còn lại 72% dân số là những người theo đạo Phật và thờ cúng

---

chiến sĩ cách mạng (trong tư thế hiên ngang sẵn sàng tiến ra mặt trận. Phía sau tượng đài là danh sách liệt sĩ Tiểu đoàn 240 đã hy sinh.

– Khu công viên cây xanh: được trồng trước cụm tượng đài Tiểu đoàn 240 với nhiều loại cây gỗ quý như: Dầu, Gỗ Đỏ, Giáng Hương, Cẩm Lai... để tạo cảnh quan và không khí thoáng mát cho di tích.

Hàng năm, vào các ngày lễ lớn của đất nước, cán bộ và nhân dân huyện Long Thành tổ chức dâng hương tưởng nhớ những người con khắp mọi miền đất nước đã ngã xuống trên mảnh đất Long Thành. Cũng tại di tích này, ngày 25/4 (DL) hàng năm là ngày họp mặt truyền thống của Tiểu đoàn 240.

ông bà. Nhiều xã còn xuất hiện các võ “nhà vuông” thờ tiên sư (sắc thần của làng). Điển hình như ấp Bến Sắn thuộc xã Phước Thiển<sup>(1)</sup>, ấp Chợ thuộc xã Phước Long, cứ mỗi năm cúng lớn một lần (cúng tam sanh), đồ cúng ngoài hương hoa quả còn phải dùng ba thứ thịt: thịt dê, ngỗng, thịt heo.

Long Thành là vùng đất có người xưa sinh sống lâu đời, điều này được minh chứng thông qua công tác khảo cổ học ở địa phương.

Năm 1977, các nhà khảo cổ đã tìm thấy ở ấp Cái Vạn, Cái Lãng thuộc xã Phước Thọ<sup>(2)</sup>, ấp Rạch Chiếc thuộc xã Phước Tân những dụng cụ bằng đá của người tiền sử thuộc hậu kỳ đá mới, ước định niên đại vào khoảng nửa đầu thế kỷ thứ hai trước Công nguyên<sup>(3)</sup>. Sau đó qua nhiều lần khai quật khảo cổ phát hiện nhiều hiện vật gốm, đá, gỗ với nhiều loại hình. Qua đó có thể nói Long Thành là một trong những mảnh đất cư trú lâu đời của cư dân cổ (từ 3000 đến 1800 năm).

Di chỉ khảo cổ học Gò Bường (hay còn có tên gọi là Nhà Mát, Bàu Thành) thuộc địa phận ấp 2, xã Long Phước được B.Révertégat phát hiện năm 1933 và được khai quật năm 1989. Di chỉ nằm trên một gò đất, xung quanh là ruộng nước, phía đông có hai bàu nước kề nhau, phía tây cách 100m có một bàu nước khác, di chỉ có tọa độ 10°44'32" vĩ bắc và 106°59'43" kinh đông. Cuộc khai quật đã làm lộ ra một phế tích kiến trúc có bình đồ hình chữ nhật, cạnh đông-tây dài 16m, rộng bắc-nam 14m. Cạnh phía đông được bẻ góc xây nhô ra 2m, có thể là phần cửa của

---

<sup>1</sup> Phước Thiển và Phước Long nay thuộc huyện Nhơn Trạch.

<sup>2</sup> Nay thuộc huyện Nhơn Trạch.

<sup>3</sup> Năm 1977 đã khai quật và tìm thấy ở thôn Cai Vạn, Cái Lãng thuộc xã Long Thọ, khu Rạch Chiếc thuộc xã Phước Tân, những dụng cụ bằng đá thuộc thời kỳ đồ đá, gồm: Rìu đá có vai, rìu đá không vai, rìu đá tứ giác, đục đá, bàn mài, phác vạc rìu, vòng đeo tay bằng đá. Hiện nay các bảo vật còn giữ ở nhà bảo tàng tỉnh Đồng Nai, nhà truyền thống huyện Long Thành.

kiến trúc. Xung quanh xây tường dày 1,40m, chiều cao còn lại 1,35m, bên trong xây thành nhiều ô vuông nhỏ. Hiện vật thu được gồm nhiều mảnh vỡ đá như bia, tượng, đồ trang sức... và nhiều mảnh vỡ gốm. Di chỉ được xác định thuộc loại hình đền thờ đạo có liên quan đến Hindu – Ấn Độ giáo, niên đại được xác định vào khoảng thế kỷ X sau Công nguyên.

Di chỉ khảo cổ học Gò Chiêu Liêu thuộc ấp Mới, xã Long Phước được phát hiện và khai quật năm 1995. Di chỉ nằm trên một gò nhỏ, xung quanh là ruộng nước nằm bên bờ hữu ngạn suối Cả, cách thị trấn Long Thành khoảng 9km, có tọa độ  $10^{\circ}43'30''$  vĩ bắc và  $107^{\circ}00'19''$  kinh đông. Cuộc khai quật đã làm xuất lộ một phế tích kiến trúc có bình đồ hình vuông, kích thước dài bắc-nam là 4,80m, dài đông-tây là 4,50m. Hiện vật thu được ở đây gồm nhiều mảnh vỡ của các đồ đựng bằng gốm như chân đèn, vòi bình, bình... Di chỉ thuộc loại hình đền thờ có liên quan mật thiết đến Hindu-Ấn Độ giáo, niên đại C14 cho kết quả  $1910 \pm 70BP$  (tức vào khoảng thế kỷ I sau Công nguyên).

Di chỉ khảo cổ học Gò Ông Tùng thuộc địa phận xã Long Phước, được phát hiện và khai quật năm 1995. Di chỉ nằm dưới ruộng lúa, cách Gò Chiêu Liêu khoảng 100m về phía tây, cạnh hà lãng, có tọa độ  $10^{\circ}43'34''$  vĩ bắc và  $107^{\circ}00'16''$  kinh đông. Cuộc khai quật đã làm xuất lộ một phế tích kiến trúc có tường bao quanh hình chữ nhật, chiều dài đông-tây là 11m, rộng bắc nam là 7m, dày 1m, cao còn lại 0,35m, bên trong nửa phía tây là nền đất nện sỏi laterit và cát hạt lớn, nửa phía đông là nền gạch. Trên bờ tường và nền gạch có 18 lỗ cột  $\phi$  30cm-40cm – có lẽ là lỗ chân cột của mái che kiến trúc. Hiện vật thu được gồm 1 bàn mài, một số mảnh vỡ của các tiêu bản đồ đựng... Di chỉ được xác định thuộc loại hình đền thờ Ấn Độ giáo có niên đại khoảng thế kỷ I sau Công nguyên.

Hồ Cầu Mới thuộc xã Bàu Cạn, là hồ chứa nước với dung tích 30 triệu  $m^3$  được đầu tư kinh phí xây dựng gần 330 tỷ đồng,



được khởi công vào tháng 10/2004 và đã hoàn thành vào cuối năm 2007 với mục đích cung cấp 85.000 m<sup>3</sup> nước/ngày cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở địa bàn huyện Long Thành và một phần của huyện Nhơn Trạch. Hồ có khung cảnh thiên nhiên đẹp, lãng mạn rất thích hợp phát triển du lịch sinh thái.

Ngoài những di tích lịch sử, khảo cổ có giá trị, Long Thành còn có nhiều ngôi nhà cổ truyền thống thể hiện dấu ấn về văn hóa, kiến trúc của người Việt.

Nhà của bà Nguyễn Thị Sáu hiện có số nhà 194, khu 2, ấp 2, xã An Hòa <sup>(1)</sup>, được ông Trần Văn Cung xây dựng trước năm 1900 theo kiểu nhà ba gian hai chái, phần phụ nói thêm, nhà quay mặt về hướng đông. Hệ thống cửa ra vào là loại cửa trập có song ở cả ba gian nhà, bên trên các khung cửa có gắn bông gỗ được chạm khắc hình hoa lá rất đẹp. Bên trong nhà có vách ngăn chia ngôi nhà thành hai phần: nhà trên (nhà trước) và nhà dưới (nhà sau), trong đó nhà trên được dùng để làm nơi thờ tự và tiếp khách, nhà dưới dùng làm nơi sinh hoạt, nghỉ ngơi hàng ngày. Khung nhà thuộc loại nhà xuyên trính, có bốn mái, lợp ngói âm dương. Khung nhà có kết cấu kiểu xuyên trính, các cột, kèo, rui, mè, đòn tay... nối với nhau bằng hệ thống mộng chốt tạo thế liên hoàn, vững chắc, đặc biệt là 6 kèo cuối có phần đuôi được chạm khắc cách điệu đỡ lấy đầu kèo hiên. Hiện nay, hầu như ngôi nhà vẫn còn giữ được nguyên dạng hình dáng thuở ban đầu xây dựng, ngay cả những vật dụng trong nhà cũng được chủ nhà giữ gìn cẩn thận.

Nhà cổ của bà Nguyễn Thị Sương tọa lạc tại số 106, tổ 37, ấp 5, xã Tam An, do ông Nguyễn Văn Hôn xây dựng vào năm 1952. Nhà được xây dựng theo kiểu nhà “sắp đọi”, có sân trong và gác xép (hay còn gọi là nhà chữ nhị có sân trong), gồm một nhà chính và một nhà phụ song song, cách nhau một khoảng sân

---

<sup>1</sup> Từ năm 2010 thuộc thành phố Biên Hòa.

rộng 2,75m. Nhà có nền cao hơn mặt đất xung quanh khoảng 40cm, tường nhà ở ba mặt (hai bên hông và phía sau) được xây bằng gạch cao khoảng 1,5m, vữa là vôi trộn với mật đường. Hệ thống vách cùng giàn dóng ngói nhà đều làm bằng gỗ. Nhà trên xây theo kiểu nọc ngựa (hay còn gọi là nhà cột giữa, nhà rội...) – một kiểu nhà phổ biến ở vùng nông thôn Nam bộ. Tuy là kiểu nhà cột giữa nhưng nhà lại có kết cấu vì phụ mang kiểu xuyên trính với hệ thống kèo quyết, kèo đâm giúp mở rộng diện tích ngói nhà về hai chái và hai mái trước sau. Nhà gồm ba gian và hai chái, mái lợp bằng ngói phẳng (theo kiểu vây cá), nền nhà được lát bằng xi măng. Ngói nhà hiện nay hầu như vẫn còn giữ được dáng vẻ ban đầu, song thời gian và chiến tranh đã phần nào làm hư hại căn nhà, các cột và vách đã bị mối mọt xâm hại. Tình trạng xuống cấp hiện nay của ngôi nhà đòi hỏi phải có những biện pháp thiết thực để bảo tồn.

Nhà của gia đình ông Trần Bá Lộc có địa chỉ số 192, tổ 5, khu 2, ấp 2, xã An Hòa<sup>(1)</sup>, được xây dựng vào năm 1906 trong khuôn viên 112m<sup>2</sup>, trên nền đất đắp cao 0,6m so với mặt đất xung quanh. Nhà không xây cổng vào, ngoài sân có đặt vài chậu hoa kiểng để trang trí. Ngôi nhà quay mặt về hướng đông, được xây theo kiểu nhà ba gian hai chái, mái lợp ngói âm dương, hai chái có cửa thông ra phía sau nhà, có cấu trúc theo kiểu nhà sắp đọi (hay còn gọi là nhà chữ Nhị (二) gồm nhà chính và nhà phụ nối liền nhau, tường ngoài được xây bằng gạch thẻ và vữa vôi mật, nền nhà được nện kỹ bằng đất, riêng nền của hiên nhà được lót bằng gạch tàu. Nhà chính được xây theo kiểu kiến trúc mới của đầu thế kỷ XX (hay còn gọi là nhà phố), tuy ảnh hưởng của kiến trúc Pháp nhưng vẫn có hệ thống vì kèo phức tạp của nhà người Việt xưa. Kỹ thuật dựng nhà theo kiểu xuyên trính (còn gọi là nhà rường), các cây xuyên được chạy chỉ thẳng tắp. Nhìn chung, ngôi

---

<sup>1</sup> Từ năm 2010 An Hòa thuộc về thành phố Biên Hòa.

nhà tuy đã được sửa chữa một phần nhưng hầu hết vẫn giữ được yếu tố nguyên gốc lúc ban đầu xây dựng.

Nhà cổ của ông Trần Hữu Tài hiện có số nhà 43, thuộc ấp 1, xã An Hòa, nằm sát Vàm Bến Gỗ – một nhánh nhỏ chảy ra sông Đồng Nai, được xây dựng năm 1902 và hoàn thành vào năm 1903 trên khuôn viên đất có diện tích 778m<sup>2</sup>, tổng diện tích xây dựng là 118m<sup>2</sup>, bố trí theo kiểu nhà chữ “Công” (工), gồm một nhà chính nằm ngang và hai nhà phụ nằm dọc hai bên. Nhà chính được xây theo kiểu kiến trúc mới của đầu thế kỷ XX, tuy ảnh hưởng kiến trúc Pháp nhưng vẫn có hệ thống vì kèo phức tạp của nhà người Việt xưa. Nhà dựng theo kiểu xuyên trính (hay nhà rường) với một hệ thống cột kèo nâng đỡ mái che. Vật liệu xây tường được dùng là gạch thẻ và vữa là vôi trộn với mật đường. Cột và hệ thống kèo, xuyên, đòn tay, rui, mè... kết nối với nhau bằng mộng vững chãi. Đặc biệt, đầu kèo hiên được cách điệu như những đầu phượng, hai bên hông chạm nổi những mô típ hoa lá, kỹ thuật tinh xảo, mang tính nghệ thuật cao. Mái nhà lợp ngói âm dương, nền lót gạch bông đặt mua từ Pháp chở sang. Ngôi nhà hiện nay hầu như vẫn còn giữ được những nét nguyên sơ từ thuở ban đầu xây dựng.

Ngoài cư dân người Việt ra, Long Thành xưa có nhiều dân tộc ít người nhưng, vì trải qua một thời kỳ du canh du cư kéo dài nên đã tản mát đi khắp nơi. Hiện nay ở ấp Phước Bình, xã Phước Thái còn một ấp khoảng hơn hai chục gia đình người Chơrơ. Ở Bình Sơn còn hơn 100 gia đình đồng bào Nùng ở ấp Sa Cá và người Chăm ở ấp Chùa. Ở thị trấn và một số xã còn có người Hoa. Ở các xã Lộc An, Phú Mỹ, khu Dầu Ba thuộc thị trấn còn có những con mương gọi là mương Hời, dấu vết của người Chăm xưa. Là mảnh đất mà hầu hết người từ các nơi đến khai phá, làm ăn sinh sống, nên đã kết hợp tạo ra một phong tục, tập quán đa dạng.

Bên cạnh những tập tục là một nền văn hóa dân gian nảy sinh và được lưu truyền. Nổi tiếng nhất là trò chơi múa lân, đua thuyền, diễn xướng ở các xã Long Hưng, An Hòa, một trò chơi vui khoẻ, loại hình nghệ thuật truyền thống. Qua những lần thi đấu, đội lân, đội thuyền của huyện Long Thành thường giật giải nhất, nhì của tỉnh.

Ở một số xã còn xuất hiện những truyền thuyết mang nội dung ca ngợi lòng nhân hậu: Ở xã An Hòa có miếu thờ bà Chúa thai sanh, một bà mẹ có tài đỡ đẻ, sẵn lòng cứu giúp mọi người, theo lời kể của đồng bào, bà còn đỡ đẻ cho cả cọp cái và cọp đực bắt heo rừng đến trả ơn, xã Phước Tân có sự tích về: “nồi đồng sông Buông”, và “bàn cờ tiên trên dãy Dòng dài”. Một chiếc cầu bắc qua sông Buông, trên quốc lộ 15, xưa kia có tên là “Phụng Kiều” cầu của con chim phụng. Nhưng Long Thành là đất tứ linh (Long, Lân, Quy, Phụng) nên tránh tên huý mà gọi là cầu Vạc “cầu con chim đi ăn đêm”. Đồng bào Phước Tân vẫn còn nhớ câu ca dao nói về quê hương mình:

*Em yêu Phụng.Kiều, quê em giàu đẹp  
Yêu dòng sông Buông, giữ mãi nồi đồng  
Yêu dãy Dòng dài, thích bàn cờ tiên  
Nhớ mãi lời khuyên, giữ lòng ngay thật  
Xóm làng hòa lạc, đất nước hòa minh  
Ca khúc thái bình, quê hương vạn tuế*

Long Thành: một bức tranh sơn thủy hữu tình, là sự kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên và con người. Nơi phát triển một nền văn hóa vui tươi, lành mạnh. Nơi mà người từ bốn phương về kết chặt tình thân ái trong lao động, trong chiến đấu bảo vệ mảnh đất yêu thương.

#### 4. Vị trí chiến lược

Long Thành không những giàu đẹp, mà còn có một vị trí chiến lược quan trọng. Trên quốc lộ 15, cách thị trấn Long Thành khoảng 1km, còn dấu vết một đồn lũy (lũy Phước Tứ)<sup>(1)</sup> nằm ở ấp Quán Tre thuộc xã Long An. Cách lũy Phước Tứ khoảng 6km ở ấp Bung Nghệ thuộc xã Long Phước còn dấu vết Bàu Thành xưa, với một nền đá rộng, có trận đồ xếp bằng đá, năm cửa (ngũ trận đồ). Những đồn lũy này nhằm án ngữ từ phía biển vào, từ phía Bà Rịa lên. Theo tỉnh lộ 17, nơi vàm Đồng Môn còn có lũy Đồng Môn.

Xét về mặt quân sự, huyện Long Thành nằm vào giữa khu tam giác Vũng Tàu, Biên Hòa, Sài Gòn là vị trí quan trọng của miền Đông Nam bộ. Về phía tây có sông Nhà Bè làm giới hạn. Đoạn sông liên quan đến phần đất của huyện Long Thành, có chiều dài 18km. Về phía tây bắc giáp Tổng kho liên hợp Long Bình (Bộ Tư lệnh II dã chiến Mỹ, kho hậu cần lớn của Mỹ ở miền Nam) và cách trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa và sân bay quân sự khoảng 13km. Về hướng đông theo tỉnh lộ 25 cách quốc lộ 20 khoảng 10km. Về hướng nam có Rừng Sác bao la, chỉ cách Vũng Tàu 28km. Quốc lộ 15 là đường chiến lược chạy xuyên qua huyện Long Thành, từ xã An Hòa đến xã Phước Thái dài 32km. Trong huyện còn hai tỉnh lộ: tỉnh lộ 17 xuất phát từ ngã ba Cầu Xéo chạy thẳng ra bến phà Cát Lái. Bên kia bến phà là khu ngoại ô Sài Gòn.

Tỉnh lộ 19 được nối với tỉnh lộ 17 tại ngã ba Phước Thiên chạy ra khu vực xã Đại Phước, tạo ra khu Lòng Chảo (nay thuộc huyện Nhơn Trạch) và tiếp cận với Rừng Sác mênh mông thông

---

<sup>1</sup> Lũy Phước Tứ (lũy trời cho, tương truyền lũy này của người Chân Lạp xây dựng khi Dương Ngạn Địch dùng kỳ mưu chiếm lũy, sau đạo quân của Chân Lạp đến, không phá nổi lũy vì xây dựng kiên cố. Dương Ngạn Địch nhờ đó cố thủ, về sau bung ra cả phá Chân Lạp. Từ đó có tên gọi là Lũy Phước Tứ. Ngày nay, còn dấu vết là những dây tre gai dày đặc ở ấp Quán Tre thuộc xã Long An.

với Quảng Xuyên, Cần Giờ ra biển. Rừng Sác (Long Thành) là một vị trí quan trọng bậc nhất của miền Đông Nam bộ, vì nó ôm gọn sông Lòng Tàu, cống họng của đường thủy từ Sài Gòn ra hải phận quốc tế. Rừng Sác (Long Thành) liền Rừng Sác (Nhơn Trạch) áp sát phía đông nam Sài Gòn. Về phía đông lộ 15 còn liên lộ 25, từ thị trấn Long Thành, chạy qua các xã Lộc An, Bình Sơn, Cẩm Đường nối liền liên tỉnh lộ 2 (đường 56 ngày nay) để sang huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ về Bà Rịa. Liên lộ 25 còn nối với đường 10 chạy sang huyện Thống Nhất về Chiến khu Đ.

Xuất phát từ vị trí quan trọng đó, năm 1939 thực dân Pháp đã xây dựng trên đất Long Thành kho bom Thành Tuy Hạ lớn nhất Đông Dương. Thời Mỹ, địch xây dựng thêm Tổng kho Long Bình, mở rộng kho đạn Thành Tuy Hạ, xây dựng khu quân sự tại căn cứ Nước Trong, có trường Thiết giáp, trường Sĩ quan, trường Biệt kích....

Về ta: Khu Phước Thái, Phú Mỹ từng là chiến khu (khu Tây) của tỉnh Bà – Chợ, huyện Long Thành trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nơi tập trung nhiều đơn vị của tỉnh như Tiểu đoàn 300, Trung đoàn 303. Trong kháng chiến chống Mỹ, Lòng Chảo (nay thuộc huyện Nhơn Trạch) là chiến khu của hai thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ của huyện Long Thành và nơi bám trụ của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa, đặc công Đoàn 10 Rừng Sác. Các xã thuộc vùng ven quốc lộ 15, tỉnh lộ 17 và 19 là cơ sở của nhiều đơn vị bộ đội chủ lực và địa phương. Bình Sơn, Phước Thái được chọn làm cửa khẩu của tỉnh, khu miền Đông và đoàn Hậu cần Miền 814. Xã Tam An là bàn đạp của bộ đội Thủ Đức.



## II. BỐI CẢNH LỊCH SỬ, PHONG TRÀO YÊU NƯỚC, PHONG TRÀO CÔNG NHÂN, SỰ TRUYỀN BÁ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN TẠI HUYỆN LONG THÀNH CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

### 1. Phong trào yêu nước những năm đầu thế kỷ XX

Sau khi đánh chiếm Biên Hòa tên chỉ huy cánh quân của Pháp đại tá Bonard chia quân đánh chiếm Long Thành. Ngày 26/11/1861, khoảng 9 giờ, cánh quân do đại tá Diégo chỉ huy tiến vào thị trấn Long Thành. Khi quân địch kéo đến ngã ba Nhà Mát gần ấp Bà Ký thì bị quân triều đình và quân nghĩa dũng Long Thành do Tổng Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chỉ huy phục kích đánh trả quyết liệt. Quân địch dựa vào vũ khí tối tân áp đảo. Nghĩa quân vũ khí thô sơ, đánh giặc chủ yếu bằng tinh thần dũng cảm. Trận đánh xảy ra quyết liệt, từ sáng đến 14 giờ. Nghĩa quân lớp bị thương, lớp bị chết nhưng vẫn quyết tâm giữ trận địa. Giữa lúc trận đánh một mất, một còn thì địch tăng cường quân và lại được tin một cánh quân do đại tá Leprite đã vượt sông Đồng Nai đánh chiếm tỉnh lộ 17 và đánh sang tỉnh lộ 19. Trong lúc nguy ngập đó thì Nguyễn Đức Ứng bị thương. Nghĩa quân phải khiêng ông rút vào căn cứ. Đến nơi thì Nguyễn Đức Ứng chết vì bị thương quá nặng<sup>(1)</sup>.

Sáng ngày 27 và 28/11/1861, Long Thành hoàn toàn lọt vào tay giặc. Nhân dân Long Thành bước sang một thời kỳ tủi nhục của người dân mất nước.

---

<sup>1</sup> Hiện nay, nơi cống Ông Vọng, lối trạ 64 – 500m (quốc lộ 15) còn một ngôi mộ trạ xí măng và bia đá lăng mộ lãnh binh Nguyễn Đức Ứng. Mất ngày 26 tháng 12 năm 1861 4 ngày sau khi thực dân Pháp chiếm Biên Hòa. Lăng mộ ông đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Chiếm được Long Thành, thực dân Pháp thiết lập một nền thống trị qua những tên tay sai tri phủ, tri huyện <sup>(1)</sup>, chánh tổng, xã trưởng để đàn áp phong trào yêu nước của đồng bào. Tuy nhiên, nhân dân Long Thành vẫn ngấm ngấm thể hiện tinh thần đấu tranh quật cường của mình.

Đầu năm 1881, địch đưa Trần Bá Hựu về làm tri phủ Long Thành. Hựu là em Trần Bá Tường, Trần Bá Lộc <sup>(2)</sup>, 2 tên Việt gian rất gian ác. Về Long Thành chưa được một năm, một hôm nhà sư trụ trì chùa Giác Lâm pháp danh là Huyền Vi tên thật là Trần Văn Tấn cùng ba người bạn đem gà, hoa quả vào huyện đường Long Thành nói là để biếu quan phủ.

Lúc đó, Hựu đi vắng, vợ Hựu ra tiếp, thấy người nào cũng áo the khăn đóng kiểu nhà nho. Mụ niềm nở nhận lễ vật và cho biết tri phủ đang đi săn ở vùng Bà Ký. Tìm biết Hựu đang đánh bạc ở nhà Ký Tài, xã trưởng vùng này. Thầy Vi gõ cửa và báo tin, có bọn cướp vào phá phủ huyện. Phủ Hựu vội vàng với cây súng bước ra

---

<sup>1</sup> Huyện Đường, tên tri huyện đầu tiên mà thực dân Pháp đặt ở Long Thành, xuất thân là lính trận, làm đội, xếp cho quân đội Pháp. Được một thời gian Pháp cho tên tham biện Huỳnh Công Thạch về thay. Thạch xuất thân làm lính giữ cổng trại lính, lên thông ngôn, rồi leo lên tham biện. Về Long Thành làm tri huyện được hai năm, vì ức hiếp quần chúng quá, nhân dân kiện Thạch phải đi đổi đi nơi khác. Thực dân Pháp đưa huyện Ân về. Ân có máu mê cờ bạc, trai gái, tham lam, tàn bạo. Nhân dân căm thù tìm cách giết. Sau hai lần chết hụt, Ân sợ hãi xin đi nơi khác. Cuối năm 1880 thực dân Pháp đưa Ân đi làm tri huyện ở Sóc Trăng.

<sup>2</sup> Trần Bá Lộc sinh năm Kỷ Hợi (1839), mất ngày 26/10/1899. Đây là tên tay sai đắc lực cho Pháp và gây nhiều tội ác đẫm máu với nhân dân và phong trào cách mạng. Hắn đã tham gia các cuộc đàn áp nghĩa quân của Thủ Khoa Huân, Mai Xuân Thưởng... Trong quyển *Sài Gòn năm xưa* Vương Hồng Sển viết về Trần Bá Lộc như sau: "Trần Bá Lộc, người khô ráo đổng dầy, môi mỏng, cặp mắt có sát khí. Ông ta bắt được địch thủ, nhứt quyết không cầm tù, chỉ chặt đầu y như quân lính: chém người như chém chuối, chém không chừa con đỏ. Chính Toàn quyển Paul Doumer còn phải hạ một câu xác đáng: Nếu muốn (nhơn nghĩa)... thì thà đừng sai hẳn (TBL) cầm binh!".

cửa liền bị ba người bạn của thầy Vi phục sẵn dùng dao đâm chết. Ngày hôm sau, từ Gia Định, tổng đốc Trần Bá Lộc xuống Long Thành đón xác em. Hắn rút gươm gõ vào quan tài nói: “Tao đã bảo mày về Long Thành là chết, mày không nghe”.

Năm 1908, Long Thành xuất hiện các tổ chức Hội kín (bí mật) với mục tiêu tập hợp lực lượng chống Pháp dưới danh nghĩa “Thiên địa hội” <sup>(1)</sup>. Ở hầu hết các xã đều có tổ chức Thiên địa hội và được chia ra từng cụm:

– Cụm Phước Thái, Long An, Long Phước do cụ Lê Lưu Di phụ trách, điểm liên lạc tại đình Long Phước.

– Cụm An Hòa Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Tam An, An Lợi do cụ Phan Văn Tập cầm đầu, điểm liên lạc tại đình Tam Phước.

– Cụm Phước Lộc, Phước Nguyên, Shiph, Lộc An, Bình Sơn do cụ Huỳnh Thanh Quang và Trần Nghĩa Khánh phụ trách, điểm liên lạc tại khu Giàu Ba <sup>(2)</sup>.

Cụ Hồ Văn Tố kể lại: “Ông nội cụ là Hồ Văn Tĩnh, người thân sinh ra cụ Hồ Văn Thái đều tham gia phong trào Thiên địa hội. Trụ sở lúc đầu đặt tại hốc Cây Da thuộc xã Phú Hội. Sau thấy họp ở đây không được tiện, dễ bị lộ nên tổ chức quyết định xây dựng một miếu ở gò cao giáp ranh xã Long Tân và Phú Hội, đặt tên là miếu Bà. Thực ra miếu này không có bài vị, không có tượng thần, phật, chỉ lợi dụng làm nơi hội họp. Hàng năm lấy ngày 15 tháng

---

<sup>1</sup> Một phong trào xuất hiện với mục đích đấu tranh lật đổ nhà Thanh (Trung Quốc).

<sup>2</sup> Thuộc huyện Nhơn Trạch ngày nay có các cụm:

– Khu vực Phú Hữu, Phước Khánh, Giồng Ông Đông do cụ Nguyễn Xuân Sáng điều khiển.

– Khu vực Phước Long, Phước Thọ, Phước An do cụ Đặng Phùng chỉ huy. Nổi bật là cụm Phú Hội, Long Tân, Phước Thiện, Phước Kiển do cụ Hồ Văn Tĩnh lãnh đạo. Điểm liên lạc tại Xóm Hố.

Giêng (âm lịch) là ngày cúng miễu, các hội viên đều về họp, bên ngoài coi như đi cúng thần, nhưng tranh thủ để thông báo kế hoạch hành động. Mật hiệu của hội khi gặp nhau là: Một người chỉ tay lên trời và nói bâng quơ: “Mây vẫn nặng nề”. Nếu là người trong tổ chức thì biết và lập tức chỉ tay xuống đất và trả lời: “Con giông sắp nổ”. Khi đến nhà nhau thì dùng mật hiệu, cầm cây dù, nếu cù ngoéo quay ra là trao đổi rồi đi luôn, nếu cù ngoéo quay vào là phải ở lại. Thiên địa hội có một chương trình học tập cho hội viên về nội quy gia nhập, lời thề, có những bài ước để động viên. Một đoạn của bài ước như sau:

*“Bán dạ Minh khuê  
Đánh đáo quê đình  
Nghĩa huynh kết bài đồng minh  
Thủy chung để lại đồng ả nhất”*

Tạm dịch nghĩa là: Nửa đêm anh em cùng nhau họp việc hội, nâng ly rượu chia nhau cùng uống, thể hiệp sức làm việc.

Ngày 12/1/1916, lực lượng Thiên địa hội ở Long Thành tham gia phá khám Sài Gòn. Bị thất bại, ông Tiều, ông Quý, ông Dệch bị địch bắt trong trận ấy. Phát hiện ra cơ sở ở Long Thành, địch đem quân về lùng bắt và đàn áp phong trào. Lâu dần phong trào Thiên địa hội ở đây bị rã. Những người Thiên địa hội đành mai danh ẩn tích đợi thời nổi lên tiếp tục chống thực dân Pháp.

## **2. Chính sách khai thác cao su, đời sống nhân dân, công nhân cao su**

### *2.1. Chính sách khai thác cao su*

Ngày 20/2/1862, Bô-na (Bonard), thống đốc Nam kỳ ban hành nghị định xung công “Toàn bộ ruộng đất vô chủ hoặc đang còn nằm trong tay dân bản xứ chiếm giữ mà không có bằng khoán”. Đây thực sự là một chính sách cướp ruộng đất của dân, nhằm làm bần cùng hóa quần chúng của thực dân; đồng thời

hợp thức hóa việc cho phép những tư bản thực dân Pháp chiếm đoạt ruộng đất và thực hiện chính sách khai thác thuộc địa.

Tuy nhiên phải đến khi Pôn-Đu-me (Paul Doumer) lên làm Toàn quyền Đông Dương, thì chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp mới thật sự được thực thi một cách có bài bản và kế hoạch: “Đẩy mạnh nền sản xuất và thương mại bằng việc phát triển công cuộc thực dân hóa của người Pháp và bằng sức lao động của người bản xứ” (theo dự án ngày 23/7/1798 do Pôn-Đu-me soạn gửi cho Bộ trưởng thuộc địa Pháp) <sup>(1)</sup>.

Theo dự án này, nền sản xuất ở thuộc địa chỉ nhằm cung ứng cho nước Pháp các nguyên liệu mà nền công nghiệp Pháp đang cần hay những vật phẩm với giá rẻ mà nước Pháp không có; nền công nghiệp thuộc địa không phương hại đến công nghiệp ở chính quốc, đồng thời biến thuộc địa thành thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp Pháp. Chính sách Pôn-Đu-me đề ra cũng khởi đầu cho việc đẩy mạnh công cuộc trồng và khai thác cao su, một loại vàng trắng mang lại siêu lợi nhuận cho tư bản thực dân Pháp.

Cuối những năm 90 thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhiều tư bản Pháp triển khai các dự án trồng và khai thác các sản phẩm trong nông nghiệp. Nhưng đa số trồng mía, tiêu, ca cao, thu lợi không cao.

Năm 1906, trang trại Dầu Giây đã trồng thử 1.000 gốc cao su đầu tiên ở vị trí sau này là lô 9 của đồn điền Xuy-da-na (Suzannah). Sau đó, năm 1908, Công ty Cao su Đồng Nai (Les caoutchous du Donai viết tắt LCD) từ công ty kỹ nghệ và rừng Biên Hòa trước đây được thành lập.

---

<sup>1</sup> P.Doumer, L'indochine Francaise (Souvenirs) Đông Dương thuộc Pháp (Hồi ký), dẫn theo Đinh Xuân Lâm, *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập II. Nxb Giáo dục 1998, tr.96.

Năm 1910, Công ty đồn điền Đất Đỏ (Société des plantations des terres rouges, viết tắt là SPTR) được thành lập, trụ sở đặt lại Sài Gòn. Công ty này có 2 đồn điền ở Biên Hòa là đồn điền Long Thành (gồm Bình Sơn và An Viễn) thuộc huyện Long Thành và đồn điền Cuộc-tơ-nay (Courtenay, Cẩm Mỹ) nay thuộc huyện Cẩm Mỹ.

Năm 1926, đồn điền Hê-lê-na (Hélène, thuộc Long Thành) thành lập <sup>(1)</sup>.

Cùng với sự xâm lược và quá trình khai thác thuộc địa, vơ vét bóc lột tài nguyên, vật lực của thực dân tư bản Pháp ở Long Thành, đặc biệt ngành trồng và khai thác cao su phát triển là một trong những điều kiện cần thiết để đội ngũ giai cấp công nhân cao su ở địa phương ra đời.

Công nhân cao su ở Bình Sơn, An Viễn đa phần là từ miền Bắc, miền Trung vào làm phu công tra. Đoàn công tra đầu tiên đến Bình Sơn, An Viễn gồm 81 người là công nhân mỏ than Cẩm Phả, Cửa Ông, Mông Dương thuộc tỉnh Quảng Ninh. Đoàn thứ

---

<sup>1</sup> Theo tư liệu của ông Lê Văn Nhượng nguyên thông phán tòa bố Biên Hòa thì đến trước tháng 8-1945, quận Long Thành có 19 đồn điền: Đồn điền cao su sở Bà Đầm Đờ-la-Xút-ser (De la Souchère) thuộc công ty SIPH, đồn điền cao su Hê-lê-na (Hélène) thuộc công ty SIPH, đồn điền cao su Nguyễn Văn Yên và Trần Văn Đôn, đồn điền cao su La-sơ-vrốt-chi-e (Henry Lachevrotière), đồn điền cao su Pôn (Paul) Lê Văn Gồng, đồn điền cao su Võ Thành Pat-can (Pascal), đồn điền cao su Võ Văn Thành, đồn điền cao su Muyệt-tanh & Rê-vec-tê-ga (Murtin & Révertégat), đồn điền cây điều (đào lộn hột macardiens) của Rê-vec-tê-ga (Bruno Révertégat), đồn điền Ba-lăng-xi (Balancie) trồng thanh yên (cédriers) lấy trái ép nước nấu rượu mùi, đồn điền cao su của hội Truyền giáo Pari (MEP), đồn điền cao su A-nôx-tô (Anosto), đồn điền cao su của công ty Thành Tuy Hạ, đồn điền cao su công ty Tay Vượng, đồn điền cao su An Viễn, đồn điền cao su Ca-ruy-ét (Caruette), đồn điền cao su Bình Sơn của công ty SPTR). đồn điền Ca-di (Casi) của công ty nông nghiệp Nam Đông Dương (Société agricole Sud Indochinoise), đồn điền Đờ-la-giơ (Delage) nguyên của cộng đồng tu sĩ sau Diệp Văn Cương và Lương Hữu Thọ sang lại).

hai có 530 người ở các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam. Đoàn thứ ba có 1025 người ở các tỉnh Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng.

## 2.2. Đồn điền cao su, “địa ngục trần gian” của công nhân

Cuộc sống và việc làm của người phu cao su (công nhân cao su) trong các đồn điền của tư bản thực dân có thể nói là tiêu biểu cho sự khổ nhục dưới chế độ bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp.

Theo nghị định ngày 25/10/1927 của chính quyền thực dân phu đồn điền mỗi ngày làm việc nhiều nhất 10 giờ, kể cả thời gian đi và về; mỗi tuần được nghỉ 1 ngày hay hai tuần nghỉ 2 ngày liền; tết nghỉ 4 ngày; ngày mừng 5 tháng 5 và rằm tháng bảy âm lịch cũng được nghỉ. Chủ quy định cho người phu tối thiểu đạt 25 công trong tháng. Phụ nữ sau khi đẻ được nghỉ một tháng ăn lương.

Nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược. Trong một bài viết đăng trên báo *Phục Sinh* tháng 12/1928, viên thanh tra các vấn đề chính trị Đờ-la-ma (De Lamare) viết: “Tuy nhiên tất cả những lời khai của những người phu mà tôi thu thập được đều nhất trí rằng, giờ lao động là như sau: 3 giờ sáng thức dậy, 4 giờ tập hợp, nhưng vì có hàng ngàn phu phải đến nên chắc chắn giờ khởi hành không thể trước 4 giờ 30, giữa ngày được nghỉ một giờ rưỡi, nhưng tất cả những người phu đều đoán chắc rằng chỉ đến tối mịt thì họ mới được trở về nhà”<sup>(1)</sup>.

Như vậy, tính ra mỗi ngày người công nhân phải làm từ 13 giờ đến 14 giờ đồng hồ. Bắt đầu một ngày làm việc khi trời còn tối.

Có thể thấy giờ làm việc của công nhân cao su trong ngày như sau: 3 giờ sáng, keng vang lên, người phu vội vã dậy nấu

---

<sup>1</sup> Báo *Phục sinh* (Laresurecton) xuất bản ở Pháp số tháng 02/1928.

com, ăn lót dạ và gói mang theo ăn trưa, chuẩn bị thùng đựng mủ, dao cạo. Đến 4 giờ 30 keng nhì vang lên, công nhân phải tập hợp ở sân điểm để điểm danh. Người chậm chân chắc chắn sẽ bị ăn gậy cù nèo, roi mây vào đầu, vào vai không thương xót. Xong điểm danh, công nhân nhanh chóng ra lô cạo. Từ 5 giờ đến 9 giờ mỗi công nhân phải đảm bảo cạo 400 phần cây, mỗi cây cách nhau 5-6m, nghĩa là mỗi người phu phải di chuyển gần 3km. Mỗi người phu trước khi được giao cạo, được hướng dẫn, huấn luyện khoảng 7 ngày. Bảy công nhân tổ chức thành một ca, do một ông cai phụ trách. Trên cai có xu phụ trách một kíp khoảng trên 20 công nhân. Nếu công nhân cạo không đúng quy trình, cạo phạm da cây, cai, xu, hoặc sếp Tây đều có thể đánh tại chỗ, có khi chết mà không ai dám chống lại. Sau khi cạo xong, công nhân phải đi trút mủ vào thùng và gánh đến giao nộp cho nhà chứa mủ. Như vậy, người công nhân lao động quần quật phải đến 12 giờ trưa mới xong công việc. Công nhân phải tranh thủ ăn com mang theo, uống nước lã, rồi lại đi làm cỏ vê (sạc lai), đắp đê chống không cho mưa cuốn trôi đất màu (mức khoán mỗi công nhân đắp đê dài 3m, cao 0,4m).

Cách quản lý công nhân của tư bản đồn điền quả không khác gì trong trại tù. Bộ máy quản lý và cai trị đồn điền cao su gồm chủ, sếp, xu, cai, ký. Ngoài ra, còn có lính tuần tra.

Cao su là lãnh địa riêng của tư bản, là “địa ngục trần gian” của công nhân. Đến cuối năm 1935 số dân công tra từ miền Bắc, miền Trung vào làm trong các đồn điền cao su ở Long Thành lên tới 11 ngàn người. Vào đồn điền người đi phu được phát cho một con số để thay tên gọi ở quê. Nếu chúng gọi 3 lần mà không nhớ số của mình là bị đánh. Người phu cao su trong đồn điền tư bản có thể bị đánh đập, cúp phạt lương vì hàng chục tội sau đây:

1. Bất kiên lịch và không đúng kích thước.
2. Đặt chén hứng mủ hơi nghiêng, lau chén mủ không sạch.
3. Cạo không ngay, đường cạo không thẳng.



4. Cạo không đúng quy định 1mm (không được nông hoặc sâu hơn)
5. Cạo phạm xương cây.
6. Để mủ rơi xuống đất, dù chỉ vài giọt.
7. Trời mưa để mủ tràn dính cây mà không gỡ kịp.
8. Không cạo hết phần cây khoán.
9. Bệnh chưa liệt giường mà không đi làm.
10. Thu không đủ số mủ quy định.
11. Không biết “phải, quấy” với cai, xu.
12. Có vợ xinh mà không dâng cho sếp.
13. Để gốc cây bần.

Ở đồn điền An Viễn, vào những năm 20 có tên chủ Ba Rây khét tiếng về những thủ đoạn đánh dân phu. Mỗi buổi sáng nó bắt những người phu văng mặt hôm qua, hoặc phạm lỗi kỹ thuật, nằm sấp trên nền đá dăm, đánh vào mu bàn tay và hai gang bàn chân, đến khi máu tứa ra thâm bầm da thịt, nó bắt đứng dậy nhảy trên đá sỏi, nhảy không nổi nó sai người kéo người bị đánh lết trên nền sỏi. Lối đánh này đấm hung thần đất đỏ gọi là lối đánh “nhảy cà tung”.

Những tên chủ đồn điền như Đờ-la-Suse, Đờ-la-Sen, Ba-Du, Ro-ba-tơ-rê, Be-Lanh, Đờ-la-Ba-rê, Đờ-la-Pô, Sơ-ten, Đờ-Ba-lăng, Đờ-la-mông mà nhân dân Long Thành căm ghét vẫn nhắc đến như những hung thần. Tay chân của chủ sở càng dữ tợn như Litec, còn gọi là xếp cổ cò. Tên Abu còn gọi là xếp Hen tên Decoulon gọi là xếp quý, tên này đã dùng giày xăng đá chị Hoa giập lá lách chết, chỉ vì chị mới sinh cháu được hơn một tháng nên hôm đó chị đi làm trễ 15 phút.

Ở Bình Sơn chủ Tây Đờ-Ba-Lăng còn làm bàn tay bằng sắt để đánh công nhân. Tên xếp Ru-cun còn ác độc hơn nhiều, y

đánh chết hai công nhân ở đồn điền Xuân Lộc, gia đình nạn nhân phát đơn kiện, Ru-cun phải đổi về Bình Sơn. Mới về Bình Sơn được hơn một tháng, y đã đánh ba thanh niên và một phụ nữ bị thương. Có lần y bắt được cai Học đánh bạc với công nhân, hấn liền tập trung gần 200 công nhân lại, rồi đem cai Học ra đánh. Cai Học đổ cả máu mồm, máu mũi, Ru-cun nói với mọi người “Hãy noi gương tên này, nó là cai mà quan lớn còn đánh như thế đó”. Được năm ngày thì cai Học chết. Người nhà phát đơn kiện Ru-cun phải đổi về sở Bà Đầm. Về sở Bà Đầm được ít lâu, một lần hấn rình và bắt được cô Tuất đánh đổ mũ cao su, y liền tập trung một số công nhân lại coi rồi đánh cô Tuất <sup>(1)</sup>.

Công nhân đã khổ về thằng Tây cai trị, lại còn khổ vì những tên cai, tên xu, tên lính tay chân đắc lực của chủ sở đánh đập hành hạ. Những tên đội Hương, xu Hương, cai Bắc, tám Hiếu, cai Xừ, cai Xinh là những tên ác ôn coi mạng người như cỏ rác. Cai Dương ở sở Đờ-la đã đá bà Cốt lộn cổ xuống máng chết chỉ vì bà này khi cạo mũ đã để lưỡi dao lẹm vào thân cây. Tên Tám Hiếu

---

<sup>1</sup> Bà Hạnh một công nhân cao su lớn tuổi kể lại: “chúng tôi ngồi bên ngoài chỉ nghe tiếng gậy nó đánh vào người cô Tuất thỉnh thoảng và tiếng cô Tuất kêu cứu. Đánh chán tay nó đập đầu cô Tuất vào tường kêu chan chát. Chúng tôi bên ngoài chỉ biết nhìn nhau ứa nước mắt. Bỗng nghe tiếng cố Tuất kêu thét rồi im bặt. Khi mở cửa tên Ru-cun đi ra, mặt đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại. Cô Tuất thì nằm rũ rượi, mặt be bét máu, bất tỉnh nhân sự. Khi chúng tôi khiêng cô Tuất đến trạm xá thì cô Tuất chết”. Cầm thù tên Ru-cun anh em công nhân bàn nhau, vào một buổi sáng bố trí cho một thanh niên leo lên chặt cành cao su rồi cho người đi báo. Lập tức Ru-cun chạy đến, y quát công nhân lên bắt người thanh niên. Đúng như kế hoạch, hàng trăm công nhân đang cạo mũ chạy ùa đến mang theo dao và dụng cụ. Lúc ấy Ru-cun đứng oai vệ, hai tay trái khuyếch ra chống vào cạnh sườn, mắt hau háu nhìn lên anh thanh niên ở trên ngọn cây. Lợi dụng lúc nhốn nháo, bất ngờ, từ phía sau anh Chín Cối vung dao chém một nhát tên Ru-cun đứt luôn cánh tay, nằm vật ra. Mọi người ồ bỏ chạy, lợi dụng lúc đó, anh Cối ném dao bỏ đi luôn. Sau này mới biết được cô Tuất là người yêu chưa cưới của anh. Còn tên Ru-cun phải chở đi bệnh viện, rồi từ đó mất mặt không dám về Long Thành.

thấy cô Điểm xinh đẹp (cô Điểm là vợ anh Ri công nhân), y tìm cách vu oan, bắt giam rồi đánh anh Ri chết ở trong ngục. Sau đó Tám Hiếu cướp cô Điểm làm vợ. Cai Đẳng dùng cây mây còn cả gốc để đánh công nhân. Xu Biểu khi đánh phụ nữ thường đá vào âm hộ, đánh thanh niên nó đá vào khu dương vật. Cầm thù tên Biểu, anh em công nhân tìm cách đón đường bắt và đánh tên Biểu rồi bỏ vào bao bố khiêng lên trả cho chủ sở và yêu cầu “tên này ác quá chịu không nổi xin chủ cử cho người khác”. Tên chủ Tây phải chấp nhận.

Bệnh đau không thuốc men, không được chăm sóc, khí hậu khắc nghiệt, cộng thêm việc làm nặng nhọc, ăn uống thiếu thốn, nên số lượng công nhân chết trong các đồn điền có tỉ lệ rất cao. Tác giả Thành Nam trong quyển sách *Phong trào đấu tranh của công nhân cao su miền Đông Nam bộ* cho biết: “Theo một tài liệu còn để lại, tại một đồn điền thuộc Công ty đồn điền Đất Đỏ, tính ra cứ 100 công nhân thì có 37 người mắc bệnh nặng.

Mô tả cảnh ăn ở của công nhân cao su thời đó, báo *Echo Annamite* ngày 19/9/1928 viết: “Chủ Tây không có làm nhà, chỉ dựng cho mấy dãy lều tranh, giời mưa thì nước cuốn tứ bề, nhiều khi cu ly phải ngồi suốt đêm, đèn lửa không có, lạnh run cầm cập...”. Báo *Đuốc nhà Nam* số 45 ngày 15/1/1929 viết: “Phu cao su 4, 5 người ở chung một buồng, buồng rộng độ 16m<sup>2</sup>. Trong đó nào là lu, nào chén ăn, nồi dĩa, lửa củi đều chất chứa đó cả. Nhà lợp kềm nóng, phen vách chẳng kín, mùa hè nực nội, mùa đông lạnh giá...”.

Trong bản giao kèo (công tra, kế ước lao động), người phu đặt tay vào ký hoặc lặn tay có ghi: “Ngoài tiền lương hàng ngày, người phu công tra được hưởng gạo loại tốt 800gr/ngày, trong tháng có 200gr thịt tươi, 400gr rau xanh, 20gr mỡ, 5gr trà, 20gr muối, 15gr nước mắm,”.

Nhưng khi đến đồn điền, gạo tốt đâu không thấy, chỉ thấy ăn toàn gạo mục, ảm mốc, mùi chua xông lên nồng nặc.

Chế độ làm việc khổ sai, đời sống ăn ở tồi tàn, áo quần rách nát không đủ che thân, lại bị đánh đập thường xuyên làm sao người công nhân cao su không bị đau ốm triền miên với đủ thứ bệnh: ghẻ lở, lao phổi, sốt rét, phù thủng, sâu quầng, dịch hạch, dịch tả....

Vào năm 1927, khi mới thành lập đồn điền An Viễn (Long Thành), người ta nhận thấy trong số 502 công nhân có tỷ lệ khủng khiếp là 27,4% người ốm và 26,7% người chết. Công ty Đất Đỏ, từ năm 1917 đến năm 1945 đã mộ được 197.809 dân phu, tính đến cuối tháng 11/1944 đã có 21.485 dân phu chết ở khắp các đồn điền trong công ty.

Đời sống khổ nhục của công nhân đồn điền luôn tỷ lệ nghịch với tiền lãi của tư bản thực dân. Ở Công ty Đất Đỏ, năm 1936, mỗi lao động của công nhân tạo ra từ 12.000 đến 13.000 fr, nhưng chỉ trả lương khoảng 1.000 fr. Theo tài liệu của tư bản Pháp để lại cho biết, vào năm 1939 có 19 công ty cao su thu được 309 triệu fr lãi, trong khi đó tổng số tiền lương của công nhân trong 19 công ty đó không đến 40 triệu.

#### *2.4. Đấu tranh tự phát của công nhân cao su*

Trong các đồn điền, trước những áp bức bóc lột của tư bản, thực dân, nhiều cuộc phản kháng tự phát của công nhân cao su liên tiếp nổ ra ở khắp các đồn điền. Các cuộc đấu tranh thường là những hình thức sau đây:

+ *Bỏ trốn*: Đây là hình thức phản kháng thường thấy trong giai đoạn đầu thành lập đồn điền. Trái với những gì bọn mộ phu tuyên truyền, khi vào đồn điền, công nhân mới thấy đồn điền là địa ngục trần gian. Họ suy nghĩ nếu ở lại thì cũng thân tàn ma dại, bệnh chết làm phân bón cây cao su, nếu không cũng chết vì muỗi mòng, sốt rét, thà rằng bỏ trốn may ra còn sống để tìm đường về quê.

Nhưng trốn đi cũng không dễ dàng. Lúc đó, quanh đồn điền là rừng già, nhiều thú dữ, không ít công nhân bỏ xác ngoài rừng khi chạy trốn, vì họ chẳng biết đường đi, chẳng biết phương hướng nào cả, hoặc bị làm môi cho thú dữ. Trong những năm khai phá rừng già để trồng thêm cao su ở Bình Sơn, An Viễn... công nhân đã gặp những bộ xương của những người trốn sở bị lạc trong rừng không biết lối ra.

Có những người không bị lạc trong rừng, may mắn ra được thì cũng khó thoát khỏi, vì với thân hình bụng ỏng, da tái xanh, nhìn vào ai cũng biết là phu cao su, nên rất dễ bị bọn hương lý, hội tề phát giác, bắt nạt cho chủ sở, để rồi bị đánh đập, bị tù đày và lúc mãn tù ra lại tiếp tục kiếp công tra. Có người trốn sở này, chạy qua sở khác, tuy không bị cảnh tù đày, đánh đập vì tội trốn sở, nhưng lại phải làm việc khổ sai chẳng khác khi ở sở cũ chút nào. Trần Tử Bình đã kể lại trong quyển *Phú Riêng đở* về tình cảnh người công nhân bỏ trốn bị bắt lại như sau: “Thằng chủ hạ lệnh cho lính mang giày săng đá vào, rồi bắt dẫn người đi trốn bị bắt, cho lính giẫm giày đinh lên ngực, người đứng ngoài nghe thấy tiếng xương gãy rau rầu. Giẫm giày đinh xong, chúng còn đánh tiếp một trận gậy “thừa sống thiếu chết” nữa rồi mới bỏ vào nhà tối cùm lại. Một tuần sau nhân có chuyện phạt cùm một công nhân khác, chúng mở cửa nhà tối ra, thì 7 người bữa đó đã chết cứng ngắc, chân vẫn còn tra chéo trong cùm”<sup>(1)</sup>.

+ *Tự tử*: Hình thức này cũng thường diễn ra ở thời gian đầu thịnh thành đồn điền. Xuất phát từ cuộc sống tối tăm như “ngục tù”, bị đày đọa, không còn tia hi vọng gì về tương lai, không ít công nhân đã tự kết liễu đời mình để chấm dứt cuộc sống khổ ải. Nhiều công nhân tự tử vì bị ô nhục, tinh thần bị tổn thương, phẩm giá bị nhơ nhuốc.

---

<sup>1</sup> Trần Tử Bình, *Phú Riêng đở*, sdd, tr.46.

Nguyễn Mạnh Hồng và Trần Tử Bình, hai trong số công nhân cao su kỳ cựu những năm 30 thế kỷ XX đã cho biết: “Tự sát thì nhiều vì con đường đánh Tây để về Bắc rất khó, nên người đau ốm chỉ giải quyết bằng cách tự sát: Tự sát trong nhà, tự sát ở suối nước... Từ nhà ra rừng cao su, lúc nào cũng có mùi hôi thối của người tự sát treo cổ...”<sup>(1)</sup>; “...công nhân thì quá cực đến nỗi có người ra rừng mượn sợi dây treo cổ lên cành cây cho thoát nợ...”<sup>(2)</sup>.

+ *Nổi dậy chém Tây*: Hình thức thể hiện sự uất ức, căm thù, lại không còn thấy con đường nào khác. Một số công nhân đã dùng hình thức chém chết bọn chủ sếp, xu, cai tàn ác, những kẻ hàng ngày, hàng giờ hành hạ mình và rồi đứng ra nộp mình cho chúng bắt đánh đập, tra tấn, tù đày.

Vì cuộc sống quá khổ, bị chà đạp, một số công nhân nổi lên làm dân “anh chị” tiêu biểu như: Ba Hằng, Tư Cường, Năm Đâm, Bình Sơn, An Viêng thì gọi là “làng dao búa” công nhân đi chơi đêm mang theo dao búa; gây gỗ đánh nhau bằng dao búa, ăn hàng không có tiền trả thì giờ dao búa ra dọa rồi bỏ đi. Bọn tay chân của địch như xu Cai dùng dao búa để cướp vợ người khác. Cai Chử thấy vợ anh Mẫn là chị Nguyễn Thị Muội xinh đẹp, Chử cùng mười tay anh chị mang đến nhà anh Mẫn một mâm dao búa, một mâm là xôi thịt và Chử hỏi anh Mẫn chọn mâm nào. Thân cô, thế cô, vì vợ chồng anh mới từ Bắc vào nên anh đành để cho chúng cướp vợ không dám kêu than! Anh Duẩn người gốc Bắc Ninh vì khổ quá đã trốn, bị chủ sở bắt được, chúng đánh đập tàn nhẫn rồi bỏ vào tù, anh Duẩn đã bị chết trong ngục. Người công nhân lúc này chỉ còn biết than thở:

---

<sup>1</sup> Trích phát biểu của đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng. Tài liệu lưu trữ phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Bình Dương.

<sup>2</sup> Trần Tử Bình, *Phú Riêng đỏ*, sđd, tr.45.

*Con gà mày gáy Bắc Giang  
Trời làm lụt lội mày sanh Nam kỳ  
Nam kỳ lắm hăng cao su  
Đi sương về mù khổ lắm trời ơi!  
Thằng Tây, thằng Đội, thằng Cai  
Cuóp vợ bằng búa, giết người bằng dao  
Ngày làm được ba cắc hai  
Ăn hết ba cắc xài ngoài hai xu  
Trốn đi thì sợ ở tù  
Liều thân ở lại làm bù ba năm.*

### *2.3. Đời sống nông dân:*

Công nhân đã khổ, đời sống nông dân càng khổ hơn. Phần lớn đất đai bị thực dân Pháp tịch thu để mở đồn điền. 2/3 diện tích còn lại rơi vào tay địa chủ. Đốc phủ Trường chiếm 200 héc-ta ở khu An Hòa Hưng. Xã Long Phước có hội đồng Mén, cả Xưa. Xã Long An có Thông Đẩu, hương hộ Tư. Xã Phước Thái có cả Nghị tức Lê Văn Ngữ. Những địa chủ này đều chiếm từ 120 héc-ta đến 200 héc-ta. BỐ cả Nghị là hương hộ Tuấn nuôi tới 30 người làm con ăn, đừa ở. Y có tới 187 con trâu bò, 25 con chó. Những tên địa chủ này vô cùng gian ác tham lam. Bảy Thê, Cổ Lẳng chiếm 256 héc-ta Phước Thiện, Phú Mỹ.

Ở xã Tam Phước có Hồ Văn Biều, y chiếm tới 300 héc-ta, tất cả ruộng đất ở hai ấp Gò Cát, Phước Hưng là của hấn. Hấn thường cưỡi ngựa đi đốc thúc người làm. Thấy ai làm không vừa ý là dùng gậy đánh ngay vào đầu, vào mặt nên đã có một bài thơ nói về hấn:

*Thấy bóng ngựa Biều hôn xiêu phách lạc  
Bà con Gò Cát, bà con Phước Hưng  
Bảo nhau coi chừng gậy Biều nó đập.*

Vì bóc lột được của dân, bọn này sống xa hoa. Hương hộ Lộc đã từng làm Chánh tổng Bình Lâm Thượng, hằng năm y tổ chức giỗ dòng họ. Bất cứ ai nếu cùng họ Võ với y, đều được y mời đến ăn giỗ, rồi nhận làm người nhà. Y đã từng võ ngực tự khoe là mạnh thường quân với mưu đồ gây thế lực, nhằm cắt cứ một vùng. Ngày nay ở xã Phước Thiên còn có một khu mộ, gọi là mả đen, còn có tên là mả ông Cọp. Tương truyền là mả của cả Lương, giàu có nhất làng. Khi hấn chết, con cháu đã tế suốt 7 ngày. Chúng còn mua hai cô gái là người dân tộc đứng đội đèn để tế. Khi chôn cả Lương, chúng chôn luôn hai cô đó.

Đời sống nông dân vô cùng khổ cực, không có ruộng phải đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ. Lãnh ruộng cấy thì phải nộp tô, nộp tức. Thuế khóa quá nặng nề. Bất nhân là thứ thuế thân – thuế đánh ngay vào con người. Không những bị đói khổ mà hầu hết người dân đều bị mù chữ vì chính sách ngu dân của thực dân Pháp. Từ năm 1929 đến năm 1932 toàn huyện chỉ có một trường dạy đến lớp một đặt tại xã Phước Thiên, một trường dạy tới lớp hai đặt tại xã Phước Lộc (thị trấn). Gia đình ông Trương Văn Diêu ở xã Phước Thiên, lần đầu tiên cố đưa con trai cho đi học. Một buổi tối đưa con mang bài ra học, quên mặt chữ, hai bố con xách đèn đi hỏi cả hai ấp Bến Cam, Bến Sắn, mà cũng chẳng ai biết là chữ gì, vì tất cả đều mù chữ. Cả huyện có một nhà hộ sinh, dân gọi y tá là “ông Lớn”.

### **III. ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN KHI CÓ TỔ CHỨC CÁCH MẠNG**

Từ những hành động bỏ trốn, phản kháng lẻ tẻ của từng cá nhân, đến sự phản kháng của nhiều người trong một vụ, và tiến dần lên đã xuất hiện những cuộc bãi công, đấu tranh trực diện có tính chất tập thể trong đồn điền. Điển hình là cuộc đấu tranh của 500 công nhân ở đồn điền Cam Tiêm vào tháng 12/1926, bởi vì họ quá uất ức vì sự lừa gạt của những kẻ mộ phu, nhiều quyền lợi trong bản giao kèo họ không được hưởng, lại bị chủ sở đối xử như



những con vật. Cuộc đấu tranh này bị đàn áp dập tắt ngay và tiếng vang chưa rộng.

Tháng 9/1927, ở đồn điền cao su Phú Riềng cũng đã nổ ra cuộc đấu tranh được toàn thể công nhân trong đồn điền hưởng ứng, nổi lên giết tây Mông-téc-lô (Monterlo).

Những sự kiện đấu tranh nêu trên chỉ là sự phản kháng không lối thoát, hầu hết những cuộc đấu tranh đó đều bị chìm trong máu.

Ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng gồm 6 đảng viên: Trần Tử Bình, Nguyễn Xuân Cừ, Nguyễn Mạnh Hồng, Tạ, Hòa, Doanh do Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư Chi bộ. Đây là Chi bộ Đảng đầu tiên thành lập ở các đồn điền cao su miền Đông đánh dấu một bước ngoặt trong đấu tranh của phong trào công nhân cao su.

Từ ngày 3 đến 7/2/1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản Đảng chủ trì hội nghị gồm đại diện 3 tổ chức Đảng trong nước<sup>(1)</sup>, thành lập Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra lời kêu gọi, ban hành bản khởi thảo Luận cương chính trị của Đảng, Cương lĩnh và điều lệ Đảng...

Sự xuất hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trên vũ đài chính trị là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó chấm dứt thời kỳ cách mạng Việt Nam ở trong tình trạng đen tối, không có đường ra, chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối hơn 2/3 thế kỷ, kể từ khi nước ta bị đế quốc Pháp xâm lược.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam nói chung, công nhân cao su ở Biên Hòa được đẩy một bước mới: đấu tranh tự giác. Đặc biệt, từ

---

<sup>1</sup> Ba tổ chức: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn

khi Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng được thành lập, phong trào đấu tranh chống lại bọn chủ, sếp, đốc công người Pháp ngày càng lên cao và lớn hơn về quy mô và mục đích.

Ngày 3/2/1930, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đã lãnh đạo 5.000 công nhân vùng dẫy bãi công, bao vây văn phòng đồn điền. Tên thống đốc Nam Kỳ Cơ-rô-hây-me (Krauheimer), chủ tỉnh Biên Hòa Mác-ty (Marty), phó tham biện Vin-mông (Vilmont) phải thân hành dẫn 300 lính lê dương và 500 lính khố đỏ đến Phú Riềng đàn áp công nhân rất tàn bạo.

Các đồng chí trong Chi bộ đều bị bắt, sau một thời gian giam giữ, khủng bố, tra tấn, chúng đưa các đồng chí ra tòa xét xử. Các đồng chí đã biến phiên tòa xử những người cộng sản thành nơi tố cáo tội ác bọn thực dân. Quần chúng dự phiên tòa hôm ấy đều trầm trồ khâm phục trước tinh thần và ý chí đấu tranh của những người cộng sản.

Cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng là cuộc đấu tranh lớn nhất, có tiếng vang trong cả nước vào những ngày Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Sau đó có cuộc bãi công lớn của 4.000 công nhân nhà máy sợi Nam Định kéo dài 3 tuần lễ từ 25/3 đến 16/4/1930 do Tỉnh ủy Nam Định và Chi bộ nhà máy sợi tổ chức. Đó là những phát pháo hiệu mở đầu cho cao trào cách mạng mới ở Việt Nam và phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su.

Sau cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp đã dập phong trào cách mạng trong biển máu bằng cuộc khủng bố trắng ở khắp cả ba miền.

Trong năm 1931 đến 1934, Xứ ủy Nam kỳ phải 3 lần xây dựng lại. Mỗi lần xây dựng là mỗi lần lại bị địch phá vỡ. Từ đó đến cuối năm 1932 ở Nam kỳ hầu như không còn tổ chức nào của Đảng.

Đến đầu năm 1933, Xứ ủy Nam kỳ mới được tổ chức lại do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư.

Tuy tình hình chung phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn, tổn thất, nhưng phong trào đấu tranh của công nhân cao su Biên Hòa – Bà Rịa vẫn tiếp tục phát triển.

Ở làng Đất Đỏ, đồn điền Bình Sơn vào năm 1932, nổ ra một cuộc đấu tranh của công nhân với hai khẩu hiệu “Chống đánh đập, chống cúp phạt”. Tháng 5/1934, công nhân đồn điền các công ty cao su ở Biên Hòa đã bãi công 2 ngày chống hạ thấp tiền lương, chủ sở phải nhượng bộ.

# Chương I

## PHONG TRÀO MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG 1936-1939 VÀ KHÔI PHỤC PHONG TRÀO SAU NAM KỲ KHỞI NGHĨA

### I. PHONG TRÀO MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG

Từ năm 1935, những hoạt động công khai hợp pháp ở Sài Gòn của một số đảng viên cộng sản như các đồng chí: Nguyễn Văn Tạo <sup>(1)</sup>, Nguyễn Văn Nguyễn <sup>(2)</sup>, Dương Bạch Mai <sup>(3)</sup>, Nguyễn

---

<sup>1</sup> Nguyễn Văn Tạo (1908-1970) quê Bến Lức, tỉnh Long An, du học và tham gia Đảng Cộng sản Pháp năm 1929, năm 1939 bị Pháp trục xuất về nước, nhiều lần bị thực dân Pháp bắt giam giữ. Từng giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Lao động trong chính phủ Việt Nam Dân chủ.

<sup>2</sup> Nguyễn Văn Nguyễn (1910-1953) quê huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang). Hoạt động cách mạng từ 1926, đảng viên cộng sản năm 1930, nhiều lần bị thực dân Pháp bắt giam giữ ở Côn Đảo. Trong chống Pháp từng giữ các chức vụ ủy viên Xứ ủy Nam kỳ, Ủy viên ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ, Giám đốc sở Thông tin Nam bộ, chủ bút báo Cứu quốc Nam bộ.

<sup>3</sup> Dương Bạch Mai (1905-1964) quê tỉnh Bà Rịa, tham gia đảng Cộng sản Pháp 1929 cùng Nguyễn Văn Tạo, sau đó vào học trường Đại học Đông phương Staline ở Liên Xô, về Sài Gòn năm 1932, tham gia chống Pháp trên lĩnh vực báo chí tuyên truyền, từng bị giam giữ ở Côn Đảo (1939-1943), trong chống Pháp là Thanh tra chính trị miền Đông.

An Ninh <sup>(1)</sup> đòi tự do dân chủ, cải tiến thể chế chính trị ở thuộc địa... đã ảnh hưởng đến các tầng lớp nhân dân Biên Hòa tiến bộ... Tờ báo *Tiếng Chuông Rè (La cloche fêlée)* của Nguyễn An Ninh, sau đó là các tờ báo *Tiền Phong (L'Avant Garde)*, *Dân chúng (Le Peuple)*, *Lao động*, *Bạn dân*, *Nhàn lúa*, *Tin tức*, *Thời thế*.. của Đảng tiếp tục ra đời với mục tiêu đòi tự do dân chủ, cải cách thể chế chính trị ở thuộc địa gây tiếng vang lớn, thu hút hàng ngàn bạn đọc các nơi trong tỉnh Biên Hòa. Hoạt động công khai và các tờ báo này đã giúp nhân dân nâng cao nhận thức chính trị, thúc đẩy xu hướng dân chủ trong xã hội ngày càng tăng lên.

Tháng 4/1936, Mặt trận Bình dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt đã giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử. Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền đã đề ra một số chủ trương tiến bộ đối với các nước thuộc địa. Tình hình chính trị ở Pháp đã trực tiếp ảnh hưởng đến phong trào cách mạng ở nước ta.

Triệt để lợi dụng tình hình chính trị có những điều kiện thuận lợi diễn ra ở nước Pháp, Đảng Cộng sản chủ trương chuyển hình thức hoạt động bí mật, không hợp pháp sang hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, chủ yếu đòi dân sinh dân chủ cải thiện đời sống, thông qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng.

---

<sup>1</sup> Nguyễn An Ninh (1900-1943) quê Hóc Môn tỉnh Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Du học Pháp đỗ cử nhân Luật ở Pháp năm 1921, cùng hoạt động với Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc ở Pháp. Năm 1922 về nước, ra báo *Tiếng chuông rè* làm cơ quan ngôn luận chống thực dân. Tháng 3/1926 bị Pháp bắt. Tháng 1/1927 ra tù và sang Pháp học chương trình Tiến sĩ Luật. Năm 1928 về nước lập "Hội kín Nguyễn An Ninh" chống Pháp, nhiều lần bị thực dân Pháp giam giữ, năm 1939 bị đày ra Côn Đảo, hi sinh năm 1943.

Ngày 26/7/1936, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất họp ở Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị xác định mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình; xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phản động thuộc địa và tay sai. Hội nghị quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu: “Đánh đổ đế quốc Pháp”, “Tịch thu ruộng đất của địa chủ cho dân cày” và chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (sau trở thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương), tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, tổ chức chính trị, xã hội và tôn giáo khác nhau đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa, đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh.

Ngày 13/8/1936, Ủy ban lâm thời Đông Dương Đại hội<sup>(1)</sup> được thành lập tại Sài Gòn. Ủy ban hành động của các tỉnh cũng được tổ chức làm cơ sở cho Đông Dương Đại hội. Chỉ trong một thời gian ngắn, 600 Ủy ban hành động được thành lập khắp các tỉnh ở Nam kỳ.

Trung tuần tháng 8/1936, các đồng chí Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nghĩa được Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội cử về Biên Hòa để chỉ đạo phong trào, vận động cách mạng. Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Chủ tịch. Từ ngày 20/8 đến 30/8/1936, nhiều Ủy ban hành động cơ sở được thành lập: Tân Triều (20/8), Bình Phước (29/8), Bình Thạnh (29/8), Tân Phong (30/8), Ủy ban hành động của những người đánh xe ngựa ở Bình Hòa... Trong ngày ra mắt, các Ủy ban Hành động đã rải truyền đơn kêu gọi nhân dân

---

<sup>1</sup> Những người yêu nước chân chính và cộng sản được bầu vào Ủy ban lâm thời gồm Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Văn Trân, Võ Công Tồn.

trong địa phương hưởng ứng cuộc vận động vì tự do, dân chủ, áo mặc, cơm ăn...

Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã nối liên lạc và cùng các đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại... và một số đồng chí khác trong chi bộ Bình Phước – Tân Triều họp bàn tổ chức thực hiện quyết định của Trung ương.

Thực dân tư bản Pháp ở các đồn điền cao su trước sự phát triển của phong trào theo xu hướng dân chủ cũng tìm mọi cách để mị dân.

Tại Long Thành, chủ sở cao su Bình Sơn Đờ-la Ba-zê (De La Bazé) đã bắt công nhân tắm tập thể. Vì từ lâu công nhân phải làm từ 4 giờ sáng đến 6 giờ tối: (một ngày hai bữa cơm đên) nên nhiều công nhân không còn nghĩ đến việc tắm giặt. Kể từ ngày có lệnh của Ba-zê, chiều nào cũng vậy, cứ vào khoảng 17 giờ, khi mặt trời vừa lặn, từng tốp công nhân bị lột trần truồng xếp hàng đi vào chỗ có hồ nước. Những thân hình gầy gò, xương sườn lộ ra, da mốc meo, ghẻ lở, co ro theo nhau đi dưới cây roi của những tên cai, tên xu, sếp điều khiển. Đến hồ nước phải xếp thành hai hàng, bên này đổ nước cho bên kia, mỗi người một miếng dẻ cọ lẫn nhau. Bên kia quay lại, lại làm như vậy. Xong lượt phải kéo ra nhanh để toán khác vào. Trong lúc đó, tiếng chửi, tiếng roi của bọn cai thúc giục rối rít. Chỗ nam công nhân tắm là như vậy, chỗ dành cho nữ công nhân tắm còn khổ hơn. Bọn xu, bọn cai lợi dụng lệnh của chủ sở để làm tình làm tội con người. Nhiều chị em không chịu nổi nỗi nhục, chống lại, lập tức bị ngay một trận mưa roi. Ba-zê đã hạ lệnh cho bọn tay chân: “Đứa nào không chịu tắm bằng nước, thì cho chúng tắm bằng roi”. Nhiều công nhân bỏ trốn. Một bài thơ vạch mặt tên Ba-zê xuất hiện:

*Hỡi ai trên thế giới loài người*

*Bảo cho biết có nơi đâu giống thế này*

*Coi người như là súc vật*

*Bắt tắm từng bầy thì nhân cách còn đâu*

*Ba-zê oi; mày đúng béc-giê mất rồi*

*Cút về nước Pháp đi thôi*

*Ở đây tao sẽ tẩm mày bằng dao.*

Vào thời kỳ này tình hình căng thẳng, nguy cơ chiến tranh thế giới có thể xảy ra. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào đấu tranh của nhân dân ngày càng phát triển mạnh. Để đối phó trước tình hình rối ren đó, Toàn quyền Đông Dương đã thực hiện một biện pháp mang tính chất ru ngủ thanh niên. Chúng phát động phong trào “Vui khỏe, trẻ trung” nhằm hút thanh niên nam nữ vào các tổ chức thanh niên hướng đạo, thể thao..., âm mưu đánh lạc hướng phong trào đấu tranh của dân tộc. Ở các huyện chúng tổ chức thi chọi trâu, chọi gà, đấu quyền anh, đấu kiếm, mở các sòng bạc.

Cải lương là một bộ môn nghệ thuật của dân tộc, lúc này cũng bị bọn tư bản thực dân lợi dụng làm công cụ thu hút thanh niên. Ở Long Thành xuất hiện nhiều gánh hát. Gánh Tân Thịnh do Ba-Cu cầm đầu. Gánh Văn hí bang do Mười Vui tổ chức, sau đổi ra Tái lạc bang. Ở đồn điền cao su Bình Sơn, An Viễn, lúc này tên Ba-zê, phải đổi đi nơi khác, tên Đờ-La-mông (De La Mond) về thay, y có nhiều thủ đoạn mị dân thâm độc. Y tổ chức một gánh hát bội, cho kếp Cử, bầu Phu đứng ra điều khiển. Gánh hát này phải thực hiện theo lệnh của chủ Tây, diễn vào ban đêm, biểu diễn liên tục, suốt đêm. Tên Đờ-La-mông hạ lệnh, những đêm có biểu diễn thì tất cả công nhân phải đi xem, ai vắng mặt thì bị phạt lương. Điển hình nhất là gánh hát có tên là Đồng lạc bang do Võ Văn Truyện tức Hoàng Việt Hà tổ chức. Gánh hát này được tri huyện Long Thành đỡ đầu nên có tới 75 người, gồm đào kếp, kéo màn, nấu bếp. Diễn toàn những vở ly kỳ như: “Thôi tử thế Tề quân”, “Lý Thế Dân treo dây Ngọc Đài”, “Tiết Cương phá Thiết Khu Phần”. Nhiều thanh niên đã bỏ nhà đi theo gánh hát.

Với âm mưu đầu độc nhân dân ta, thực dân Pháp còn ra lệnh cấm dân không được nấu rượu để chúng độc quyền. Hàng



ngày bọn chúng cho lính đoàn (thuế quan) đi lòng sục khám xét, chỉ cần phát hiện có com rượu trong nhà là chúng tịch thu gia sản. Đồng bào rất sợ lính đoàn nên gọi chúng là bọn (Tào cáo). Nhiều gia đình đã bị mất nghiệp vì bọn này. Trong lúc cấm dân nấu rượu thì Pháp thành lập những hãng, những công ty nấu rượu lớn, như hãng Xăng Ních Biên Hòa. Hàng ngày chúng cho chở rượu về Long Thành, một thứ rượu pha chế từ cồn ra nồng độ rất cao, nhiều độc hại. Lúc đầu chúng đặt nhiều đại lý, ở thị trấn Long Thành có đại lý của Tám Xạo (Tàu lai) là lớn nhất.

Sau thấy dân không mua, thực dân Pháp liền ra lệnh cưỡng dân uống rượu. Chúng điều tra sổ đình, căn cứ sổ đình trong xã rồi cho chở rượu về bắt xã trưởng đứng ra nhận. Xã trưởng lại bắt từng gia đình phải mua. Uống hay không uống cũng mặc. Ở sở cao su Bình Sơn lúc đó có khoảng 3.200 công nhân, 450 người là nữ công nhân, còn lại là nam công nhân. Mỗi lần xe chúng chở về đổ xuống tới 4000 lít. Chủ sở nhận rồi trừ vào tiền lương công nhân và bắt cả nam lẫn nữ đều phải mua. Có tháng chúng chở về tới hai ba kỳ. Một lần ở xã Phước Lai gặp ngày cúng đình, dân nấu rượu để cúng, không ngờ có người đi báo, lập tức lính đoàn về khám xét tìm thấy nhiều gia đình có hèm (bã rượu) lập tức bắt người đánh đập, tra khảo, rồi lập biên bản tịch thu gia sản. Cầm thù bọn này, ông cả Hải đi gọi đồng bào đến. Hưởng ứng lời ông, nhất là thanh niên kéo ra vây bắt ba tên lính đoàn trói lại, một số tên chạy thoát. Bà con liền đem hèm rượu đổ lên đầu bọn này. Nhiều thanh niên cầm dao chỉ muốn xông vào chém chết, ba tên lính đoàn sợ hãi, lay van xin tha tội. Ông cả Hải chỉ tay vào mặt ba tên lính và bảo: “Hôm nay bà con ở đây tha chết cho bọn mày, nếu lần sau còn về bắt bớ, khám xét thì quyết sẽ không tha” rồi ra lệnh thả. Cả ba tên cúi đầu chuồn thẳng.

Để triển khai các hoạt động, Ủy ban đã phân công nhiều đồng chí về hoạt động ở cơ sở mục đích tuyên truyền cách mạng, tập hợp quần chúng tham gia các tổ chức đoàn thể của cách mạng nhằm mục tiêu đòi dân sinh, dân chủ. Đồng chí Dương

Bạch Mai về hoạt động vùng Phước An, Long An, An Lợi, Phước Thiên. Nguyễn Văn Nghĩa (Nghĩa Xước) cùng với đồng chí Hồ Văn Đại (Sáu Đại) đi sâu vào vùng cao su Sihp, Bình Sơn, An Viễn. Trương Văn Bang, Huỳnh Văn Lũy, Nguyễn Văn Ký hoạt động ở vùng Tam An, Tam Phước, An Hòa. Đồng chí Hồ Văn Giàu về vùng Phước An, Phước Thọ. Các đồng chí tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết, mít tinh ở Long Thành (các đồn điền cao su) giới thiệu các tài liệu của Đảng như: “Lời hiệu triệu của các Ủy ban hành động”, các tờ báo công khai của Đảng. Với những báo viết bằng Pháp ngữ, thì đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đọc và dịch ra tiếng Việt.

Phong trào đã tập hợp rất nhiều quần chúng tham gia, trong đó có nhiều trí thức, kể cả một số cai, xu tiến bộ trong các sở cao su cùng tham gia. Qua phong trào nhiều nhân tố tích cực đã được phát hiện.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố kiện toàn công tác tổ chức Đảng ở các tỉnh, cuối năm 1936, Liên Tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang, Ba Đen), nguyên Bí thư Xứ ủy Nam kỳ (1933-1934) về Biên Hòa để vận động thành lập Tỉnh ủy, phát triển cơ sở Đảng ở các quận, xã và đồn điền cao su.

Đầu năm 1937, trong hội nghị đảng viên tại Tân Triều, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập và đồng chí Trương Văn Bang được cử làm Bí thư. Tham gia Tỉnh ủy có các đồng chí: Huỳnh Liễn, Trần Văn Triết, Huỳnh Xuân Phan, Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ...

Công tác xây dựng Đảng từ đây có những bước phát triển mới, nhiều tổ chức quần chúng được thành lập ở Long Thành như Công hội, các Hội ái hữu như Hội tương tế, Hội Chùa, Hội miếu, Hội đá bóng, Hội lân... được xây dựng trong các đồn điền cao su Bình Sơn, An Viễn, Shiph và các xã nông thôn của huyện.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, các chi bộ Đảng, thông qua Ủy ban hành động (hoạt động công khai) đã tổ chức các cuộc diễn thuyết, mít tinh, đưa dân nguyện đòi giảm sưu thuế, đòi các quyền tự do, dân chủ, rải truyền đơn, đấu tranh chống cường hào ác bá <sup>(1)</sup>...

Phong trào đấu tranh của nhân dân Biên Hòa trong những năm 1936-1939 diễn ra sôi động và rộng khắp cả ở vùng đô thị, vùng đồn điền cao su và nông thôn, trong đó có vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa cả trong bí mật lẫn trong hoạt động công khai bằng các tổ chức quần chúng rộng rãi. Qua phong trào đấu tranh, tổ chức Đảng đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho nhân dân, làm cho quần chúng hiểu biết về chủ nghĩa cộng sản gắn liền với tự do, dân chủ và qua đó phát triển đảng trong những người nòng cốt của phong trào và phát triển tổ chức Đảng.

Qua thực tiễn hành động tuyên truyền, tập hợp quần chúng, tổ chức đấu tranh... từ thấp lên cao với các khẩu hiệu thiết thực với quyền lợi quần chúng; trình độ và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên được nâng lên được quần chúng hết lòng tin yêu, mến phục.

---

<sup>1</sup> Như cuộc mít tinh ở Gò Dê (Bình Ý) quận Châu Thành, đấu tranh của nông dân Phước Lộc, Long An, An Lợi, Phước Thiển, Tam An, Tam Phước, Phước An, Long Thọ... quận Long Thành; rải truyền đơn và đấu tranh của công nhân nhà máy BIF Biên Hòa ngày 28/5/1937 phản đối bọn chủ, cai, xu đánh đập đàn áp công nhân. Cuộc đấu tranh của hơn 300 công nhân BIF phản đối bọn chủ hăng giảm giá khoán cửa gỗ từ 1 đồng xuống 0,5 đồng/m<sup>3</sup> ngày 18/ 11/1938; cuộc đấu tranh của hơn 400 công nhân thuộc Công ty kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hòa bao gồm các cơ sở ở Biên Hòa, Trảng Bom, Xuân Lộc đòi tăng lương giảm giờ làm ngày 15/11/1936; cuộc đấu tranh ngày 01/01/1939 của công nhân cao su toàn tỉnh Biên Hòa đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống...

## II. KHÔI PHỤC CƠ SỞ VÀ PHONG TRÀO

Tháng 9/1939, phát xít Đức đánh chiếm Ba Lan, mở đầu cho cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II. Thực dân Pháp nhân đó tiến hành cuộc khủng bố phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo; đồng thời tăng cường bóc lột, vơ vét tài nguyên để phục vụ cho cuộc chiến tranh phi nghĩa giữa các nước tư bản đế quốc.

Ngày 28/9/1939, phủ Toàn quyền Đông Dương ra nghị định giải tán và tịch thu tài sản của các hội quần chúng như Ái hữu, nghiệp đoàn... cấm tất cả các cuộc hội họp của nhân dân, bắt giam và xét xử những người đứng đầu các Ủy ban hành động, tịch thu các báo cổ động cho Đại hội Đông Dương, mở đầu cuộc khủng bố phong trào cách mạng của quần chúng.

Ngày 4/1/1940, viên Toàn quyền Đông Dương Ca-tru (Catroux) công khai tuyên bố: “Chúng ta đánh toàn diện và mau lẹ vào tổ chức cộng sản. Trong cuộc đấu tranh này phải tiêu diệt cộng sản thì xứ Đông Dương mới được yên ổn và mới trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng, tình thế chiến tranh buộc chúng ta hành động không một chút thương tiếc”<sup>(1)</sup>.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ thị cho các cơ quan, cán bộ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải mau lẹ rút vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác, xây dựng cơ sở ở nông thôn và thay đổi các hình thức, phương pháp công tác ở vùng đô thị cho thích hợp với tình hình mới.

Đầu tháng 11/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ VI tại Bà Điểm (Hóc Môn tỉnh Gia Định). Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và Đông Dương, Hội nghị nhận định: Hình thức “Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh

---

<sup>1</sup> *Cách mạng tháng Tám*. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản 1978, tr.8.

trước mắt, ngày nay không còn thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để tính đến chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”<sup>(1)</sup>.

Hội nghị nhấn mạnh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương và chủ trương tạm gác khẩu hiệu cải cách ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản động cho nông dân, nhằm tập trung lực lượng chống đế quốc và bè lũ tay sai.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam kỳ từ cuối năm 1939, Tỉnh ủy Biên Hòa đã chỉ thị cho các tổ chức, cán bộ chuyển từ hoạt động công khai sang hoạt động dưới hình thức bán hợp pháp và bí mật. Các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (sau bị địch bắt và đày lên cãng Bà Rá), Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại... tạm lánh về các địa phương khác để tránh địch khủng bố, bắt bớ, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời như: Lê Văn Tôn, Huỳnh Xuân Phan, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Văn Triết... rút vào hoạt động bí mật ở rừng Tân Uyên.

Năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Thực dân Pháp liền cấu kết với Nhật ra sức đàn áp nhân dân ta. Chúng tìm mọi cách phá hoại nền kinh tế của ta. Trong Nam, chúng bắt dân đóng lúa hương lẫm, số lúa này chúng đem đốt thay cho than để chạy máy. Tại Long Thành, quân đội Nhật chia nhau đóng ở sở Bà Đầm, khu căn cứ Nước Trong, nhà máy điện, khu Thái Thiệu.

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đảng tập 3, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr.56.

Hàng ngày chúng lũng bắt từ 300 – 400 người đi làm xâu<sup>(1)</sup> xây dựng sân bay, đồn bót. Người dân Long Thành lúc này lâm vào cảnh một cổ hai tròng. Pháp bắt lính, Nhật bắt phu. Những tên lính Nhật cũng ác độc tàn bạo như lính Pháp. Ở khu căn cứ Nước Trong có tên Nhật chuyên dùng chèn rìu để đánh người. Đồng bào đã đặt tên cho nó là thằng chèn rìu. Một lần, lính Nhật về ấp Bến Cam đã dùng thanh sắt cài cửa đánh chết anh Nhiều con chú Khị và đánh bị thương một số người.

Đồng thời với những hành động đàn áp, bóc lột, mỗi tên thực dân có một âm mưu mị dân thâm độc riêng. Thực dân Pháp thì tung ra chủ thuyết gọi là “Pháp – Việt đề huề” nhằm lôi kéo người Việt Nam đứng về phe chính phủ Pháp, tìm cách đẩy phát xít Nhật ra khỏi Đông Dương. Phát xít Nhật thì thành lập khối “Đại Đông Á” và tuyên truyền cho chủ trương người cùng da vàng máu đỏ thì phải bảo vệ nhau, tìm cơ hội lật đổ Pháp. Tại Long Thành, tên tay sai đắc lực của Nhật là Trần Quang Vinh, Nguyễn Văn Sốt đã tổ chức nói chuyện và phát báo Đại Đông Á.

Tháng 9/1940, Xứ ủy Nam kỳ tiếp tục mở hội nghị tại xã Tân Xuân, Hóc Môn, Gia Định để quyết định một số vấn đề về công tác trọng yếu. Nhận định nước Pháp đã đầu hàng phát xít Đức, chính quyền thực dân ở Nam kỳ phải đối phó với chiến tranh biên giới Thái Lan, đây là thời cơ để phát triển phong trào bằng hình thức khởi nghĩa. Xứ ủy giao cho Ban Thường vụ Xứ ủy quyền ra lệnh khởi nghĩa, quyết định mẫu cờ là nền đỏ, ở giữa ngôi sao vàng năm cánh.

Ngày 20/11/1940, lệnh khởi nghĩa được gửi đi các nơi, quyết định toàn Xứ khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940.

Rạng sáng ngày 23/11/1940, khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra ở một số địa phương. Tại Biên Hòa sáng ngày 24/11/1940, địch bao vây

---

<sup>1</sup> Làm xâu, một hình thức lao động bắt buộc, tự túc về lương thực trong quá trình lao động.

các địa điểm chuẩn bị khởi nghĩa, các đồng chí trong Tỉnh ủy như Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ bị địch bắt đày đi Côn Đảo. Đồng chí Huỳnh Liễn hy sinh ở Lạc An. Nhiều đồng chí cán bộ đảng viên khác cũng bị địch bắt đem giam giữ các căng Bà Rá, Tà Lài. Đồng chí Trần Văn Quý (Chín Quý) đưa đội vũ trang của tỉnh<sup>(1)</sup> rút vào rừng hoạt động và tồn tại cho đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Chủ trương khởi nghĩa bị thực dân phát hiện, nhiều đồng chí Trung ương và Xứ ủy bị thực dân Pháp bắt, nên khởi nghĩa Nam kỳ bị thất bại. Nhiều nơi địch khủng bố rất ác liệt, phong trào lắng xuống, tổ chức tan vỡ. Cán bộ một số lớn bị bắt, bị đày, một số phải chuyển vùng lánh đi nơi khác. Trong lúc đó, các đồn điền cao su Biên Hòa phong trào cách mạng vẫn tiếp tục phát triển. Được sự bảo vệ của công nhân, đây là nơi ẩn náu tốt và là chỗ rất thuận lợi cho cán bộ lánh vào tiếp tục hoạt động. Hầu hết các đảng viên về hoạt động ở Biên Hòa không bị địch bắt cũng phải chuyển vào hoạt động bí mật nơi khác để tránh sự truy lùng của địch.

Tháng 9/1942, ở làng Đất Đỏ (sở cao su Bình Sơn) 200 công nhân đã đứng lên đấu tranh, không về sở ăn cơm chiều, chống tên sếp Đơ-rơ-lơ-pông bắt công nhân làm thêm giờ. Họ đi bộ, vác cả xạc lai ra quận Long Thành. Chủ sở là Jo-bơ-ren khéo tay, hai lần đến cản đường mà không được, liền gặp tên quận Ngãi yêu cầu cho lính vào đàn áp và truy tìm người cầm đầu. Chúng cho xe lính vào, dọc đường gặp công nhân đi ra, công nhân ngồi hai bên lề đường chặn lại. Chúng vất còng, roi xuống đường loảng xoảng để khủng bố công nhân, nhưng công nhân vẫn không sợ. Sau chúng phải xuống nước, hứa hẹn sẽ cho thanh tra vào điều tra, công nhân trở về đồn điền.

---

<sup>1</sup> Đội vũ trang gồm 35 chiến sĩ.

Năm 1943, đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục), đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương được Liên Tỉnh ủy miền Đông phân công về các đồn điền cao su ở huyện Long Thành, móc nối liên lạc với các đồng chí hoạt động ở đây và tiếp tục xây dựng cơ sở, phát triển phong trào.

Để vào được đồn điền hoạt động, đồng chí phải hóa trang lúc thì làm nghề bán thuốc lào, khi thì chăn nuôi ngựa, đánh xe ngựa... Đồng chí đã chọn sở Sông Nhạn (tức An Viễn) làm nơi ăn ở, mua bán thuốc lào, vì nơi đây rất thuận lợi, tiếp xúc được dân ở thị trấn Long Thành và nhiều đồn điền cao su: Dầu Giây, Ông Quế, Trảng Bom, Bình Sơn, SIPH hay qua lại. Nhân dân thường gọi đồng chí là “Thầy Ba thuốc lào”, “Thầy Ba xe ngựa”... Để làm tốt công tác tổ chức, tuyên truyền cách mạng, đồng chí phải mất một thời gian dài tìm hiểu và tiếp xúc với công nhân và cả cai, xu trong các đồn điền. Đồng chí đã dần dần tuyên truyền, thuyết phục và giáo dục được nhiều người giác ngộ cách mạng như: đồng chí Mai Hiến Thái, Lý Trần Hoan, Cai Tiên... Sau một thời gian đồng chí Ba Dục kết thân với ông Lê Thành Liêm làm nghề lái xe cho sở, anh Hai Tốt làm thư ký, anh Ba Tiểu (công nhân). Thông qua những anh em quen biết đồng chí Ba Dục đã nắm được tình hình ở các sở và tạo ra một mối quan hệ rộng rãi trong công nhân. Tiếp đó, đồng chí Vũ Hồng Phô (Sáu Khánh) được Đảng cử về hoạt động ở làng Đất Đỏ (Bình Sơn) cùng đồng chí Ba Dục xây dựng cơ sở cách mạng.

Từng bước, phong trào trong thị trấn Long Thành, các đồn điền cao su Bình Sơn, An Viễn, Shiph từng bước được khôi phục.



## Chương II

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG TÁM 1945

### I. TIẾN TRÌNH PHỤC HỒI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LONG THÀNH

Tháng 10/1943, Xứ ủy Nam kỳ được tái lập (gọi là Xứ ủy Tiền phong) do Trần Văn Giàu làm Bí thư. Xứ ủy cử nhiều cán bộ đi các tỉnh Tây Nam bộ, Đông Nam bộ để liên lạc, móc nối với các đảng viên, nhóm đảng viên để gây dựng lại các tổ chức đảng địa phương.

Theo chỉ đạo của Xứ ủy Nam kỳ, nhiều đảng viên ở Biên Hòa như các đồng chí Phạm Văn Búng, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Lê Thái, Hồ Văn Giàu, Nguyễn Văn Ký, Hồ Hòa, Huỳnh Văn Lũy, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Thuận... từng bước trở về địa phương để liên lạc xây dựng lại cơ sở. Đồng chí Hoàng Minh Châu được Xứ ủy cử về lại Biên Hòa làm việc ở sở Trường Tiền<sup>(1)</sup>. Đồng chí đã xây dựng được một Chi bộ Đảng tại đây và tổ chức một số cơ sở ở nơi khác như ga Biên Hòa, Tân Phong, Hóa An, Tân Hạnh, Tân Bình...

Tại huyện Long Thành, sau khi đồng chí Trịnh Văn Dục xây dựng được cơ sở ở thị trấn và các đồn điền cao su, tháng 3/1944

---

<sup>1</sup> Sau năm 1975 là Nhà máy đại tu ô tô.

đồng chí Lê Minh Định thay mặt Ban Cán sự miền Đông cùng các đồng chí Vũ Hồng (tức Phô) và Lý Trần Hoan về Long Thành. Đồng chí Định cho biết: Tình hình thế giới đang tiến triển theo chiều hướng có lợi cho cách mạng và khẳng định rồi đây Đồng minh sẽ đánh bại chủ nghĩa phát xít, Nhật – Pháp ở Đông Dương trong thế mâu thuẫn quyền lợi thế nào cũng sẽ xảy ra xung đột, thời cơ giành chính quyền sẽ đến.

Để có thể thống nhất lãnh đạo tình hình ở địa phương, việc xây dựng tổ chức Đảng ở Long Thành là cần thiết và cấp bách. Đồng chí Lê Minh Định thay mặt Ban cán sự miền Đông giao trách nhiệm đồng chí Trịnh Văn Dục làm Bí thư Chi bộ Đảng và cử Vũ Hồng (tức Phô) và Lý Trần Hoan ở lại hỗ trợ. Đây là Chi bộ Đảng đầu tiên xuất hiện trên đất Long Thành. Từ đóm lửa nhỏ này đã bùng lên một cao trào đấu tranh cách mạng rộng lớn.

Để có kinh phí cho hoạt động, Chi bộ chủ trương mở “Hội tiết kiệm” trong sở cao su. Mỗi hội có từ 10 đến 15 người. Mỗi tháng, mỗi người đóng một đồng, không tính lãi. Số tiền góp được giao cho một người có uy tín chủ quản. Người này có nhiệm vụ tổ chức chi tiêu. Từng đảng viên trong chi bộ đã tuyên truyền vận động cơ sở nòng cốt, công nhân cao su để ủng hộ chủ trương này. Hiểu rõ chủ trương của Đảng, công nhân đã ủng hộ việc mở Hội tiết kiệm. Lúc đầu sở Bình Sơn, An Viễn có 4 tổ, chỉ sau 3 tháng quỹ hội tiết kiệm đã may được 310 bộ quần áo phát cho anh em công nhân. Sau nửa năm, số hội viên tăng lên 265 người với 17 tổ. Chi bộ phát động để có tiền góp hội thì công nhân không được đánh bạc, rượu chè, bê tha. Nếu phát hiện hội viên nào còn rượu chè thì sẽ phê bình, nếu không sửa chữa thì kiên quyết đưa ra khỏi hội. Nhờ đó nạn cờ bạc, rượu chè ở Bình Sơn, An Viễn giảm đi nhiều. Thông qua công tác tuyên truyền về cách mạng và những hoạt động cụ thể các đồng chí đảng viên đã tạo được uy tín lớn trong quần chúng. Nhiều gia đình có xích mích đều đến nhờ các đồng chí giải quyết.

Sau một thời gian theo dõi bồi dưỡng thử thách đến tháng 9/1944 đồng chí Ba Dục giới thiệu và kết nạp anh Mai Hiến Thái, anh Ba Tiểu vào Đảng và đưa đồng chí Trương Văn Kỷ (Bảy Kỷ) là đảng viên đang hoạt động ở vùng Phước Thiện về sinh hoạt cùng chi bộ. Lực lượng phát triển, chi bộ phân công từng đồng chí đảng viên đi vào các sở cao su tuyên truyền và tổ chức những người ưu tú làm nòng cốt.

Giữa lúc này, Ban cao su miền Đông tiếp tục cử đồng chí Lê Đình Cự về tổ chức Liên đoàn cao su tại Long Thành. Mục đích việc thành lập Liên đoàn cao su là để thống nhất trong việc chỉ đạo và huy động sức mạnh của công nhân. Thời kỳ này, giặc Nhật bắt phu đi vào rừng Cây Khế, Bàu Lươn, Bàu Cạn chặt gỗ cừ chở về để chúng xây dựng sân bay ở căn cứ Nước Trong và Thái Thiện. Chúng còn bắt phu xe bò chở vũ khí, lương thực, thực phẩm sang đất Miên. Để chống lại hành động của giặc Nhật, Liên đoàn cao su thành lập “Nghịệp đoàn xe bò” và cử đồng chí Bảy Kỷ phụ trách. Có sự lãnh đạo của Đảng, anh em công nhân tìm mọi cách chống lại. Việc làm sân bay kéo dài từ tháng này qua tháng khác, anh em bảo nhau lấy cắp vật tư, lãng công. Đoàn phu xe bò đi Kratiê (Campuchia) thì bảo nhau trốn hết. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân nổi dậy đấu tranh mạnh mẽ.

Ở đồn điền Bình Sơn, An Viễn gần 500 công nhân biểu tình kéo ra quận lỵ gặp quận trưởng Phục đấu tranh đòi “Cấm đánh đập, cấm cúp lương”. Quận Phục trả lời: “Việc đó là do mấy ông chủ Tây, tôi không dám can thiệp”. Đoàn người trở về gặp chủ Đờ-La-mông (De Lamond), tên này hứa sẽ thực hiện như yêu cầu của công nhân. Nhưng sau đó, cai Minh tay chân của chủ sở cho người theo dõi bắt những người cầm đầu cuộc biểu tình giam lại, đánh đập. Hơn 100 công nhân đến gặp Đờ-La-mông phản đối. Tên chủ sở chối quanh. Ngay đêm hôm đó, anh em tổ chức bao vây và bắt cai Minh đem ra lô cao su trưng trị, rồi chia nhau đi đập phá trên 2000 chén hứng mủ. Được tin báo, chủ Tây sợ hãi

vội thả hết những người bị bắt, rồi đem tiền, đem thuốc đến xin bồi thường và đổ tội bắt người là do cai Minh.

Một tinh thần đoàn kết thương yêu được thể hiện ở liên đoàn cao su, mọi người tình nguyện mỗi tháng góp hai hào làm quỹ chi tiêu cho công hội. Được sự chỉ đạo của cơ sở Đảng, Hội ái hữu đến thời kỳ này hoạt động rất sôi nổi. Cuối năm 1944, đồng chí Ba Dục lần lượt kết nạp các đồng chí Lê Thành Liêm, Nguyễn Văn Phú, Hai Tốt vào Đảng và thành lập chi bộ Bình Sơn. Cử đồng chí Vũ Hồng (tức Phô) làm Bí thư. Đây là Chi bộ Đảng thứ hai được hình thành ở huyện Long Thành. Điều này cho thấy hiệu quả của công tác tuyên truyền cách mạng và sự phát triển của phong trào cách mạng ở địa phương.

Qua việc tuyên truyền chi bộ Bình Sơn mọc nổi được anh Ba Minh là người được chủ Tây giao cho nhiệm vụ giải quyết mọi công việc của sở. Được anh Minh hỗ trợ bên trong, anh em công nhân liền đấu tranh đòi phát lương đúng kỳ hạn, cung cấp đầy đủ lương thực thực phẩm, ngày làm 8 giờ, đau bệnh được nghỉ và phải được cấp thuốc. Tên chủ Tây Ăng-bri-en (Anbriell) chấp nhận và giao cho anh Minh giải quyết. Cuộc đấu tranh thắng lợi, uy tín của chi bộ Bình Sơn càng được nâng cao.

## II. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp ở toàn Đông Dương, hệ thống chính quyền Pháp lọt vào tay phát xít Nhật.

Trước tình hình mới, đêm 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị mở rộng ở Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh ra chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Hội nghị nhận định cuộc đảo chính của Nhật sẽ tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Việt Nam, góp phần tạo nên một tình thế cách mạng, khiến điều kiện tổng khởi nghĩa mau chín muồi. Hội nghị vạch rõ kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật và bè lũ tay sai của chúng. Do đó nhiệm vụ cấp

bách của toàn Đảng, toàn dân lúc này là phát động phong trào chống Nhật cứu nước, tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Tại Long Thành, những tên chủ Tây đồn điền, tên bị giặc Nhật bắt, tên bỏ trốn về Sài Gòn, đưa lủi vào rừng. Nhiều sở cao su lúc này thực sự do công nhân và chi bộ Đảng lãnh đạo làm chủ. Ở các xã, bọn hội tề tan rã. Chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật dựng lên được mấy tháng là tan ngay. Ở Long Thành, phát xít Nhật chuyển quận Phục đi nơi khác và đưa quận Hội về thay. Nhưng quận Hội chưa dàn xếp xong tổ chức thì chính phủ Trần Trọng Kim đã sụp đổ. Trong lúc đó, phong trào đấu tranh của quần chúng nổi lên khắp nơi trong huyện.

Tháng 5/1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam kỳ (Tiền Phong) do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư, tổ chức Thanh niên Tiền Phong được thành lập tại Sài Gòn do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm thủ lĩnh. Cùng trong tháng 5/1945 lực lượng Thanh niên Tiền phong được tổ chức ở Long Thành và phát triển rất mạnh, quy tụ không chỉ thanh niên mà có sự tham gia của phụ nữ, ông bà lão... do thầy giáo Chỏi lãnh đạo. Chi bộ liền cử đồng chí Liêm, đồng chí Châu vào cùng làm việc với thầy giáo Nguyễn Văn Chỏi để nắm lực lượng. Ở các sở cao su gọi là Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp, các xã ven đường quốc lộ, tỉnh lộ chỗ nào cũng có trụ sở của Thanh niên Tiền phong với cờ vàng sao đỏ. Trên các ngã đường từng đội Thanh niên Tiền phong đầu đội mũ ca lô, tay cầm gậy tầm vông, vai đeo cuộn dây thừng tết bằng sợi dừa, tập luyện võ nghệ, bảo vệ cơ sở và nhân dân.

Tình hình thế giới lúc này có nhiều thuận lợi cho phong trào cách mạng. Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức <sup>(1)</sup>. Bọn

---

<sup>1</sup> Hồng quân Liên Xô phá tan phát xít Đức Hít-le tự tử ở hầm ngầm vào chiều ngày mùng 1/5/1945. Quân đội Đức đầu hàng vô điều kiện.

phát xít Nhật ở Đông Dương lâm vào thời kỳ hoảng loạn. Lợi dụng lúc địch đang hoang mang dao động, Chi bộ liền chỉ đạo Liên đoàn cao su vận động quần chúng công nhân ở các sở phải tìm cách giữ lấy súng, máy móc của chủ Tây.

Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Bọn Nhật ở Đông Dương nhiều tên tự sát, một số bỏ trốn, số còn lại chờ ngày nộp súng.

Thời gian quyết định đã đến. Ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào, bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và ra lệnh tổng khởi nghĩa.

Ngày 19/8/1945, Hà Nội giành chính quyền. Ngày 21/8/1945 tại Long Thành đồng chí Ba Dục giao nhiệm vụ cho các đồng chí trong Chi bộ chuẩn bị đón chờ khởi nghĩa.

Ngày 23/8/1945, đồng chí Ba Dục xin ý kiến chỉ đạo của trên về. Một cuộc họp khẩn cấp được triệu tập gồm các đồng chí trong Chi bộ. Tại cuộc họp, đồng chí Ba Dục đọc chỉ thị của Ủy ban Trung ương ra lệnh cho các nơi nhanh chóng cướp chính quyền và thiết lập trật tự ở địa phương. Sau đó, hội nghị phân công từng đồng chí, phụ trách từng khu vực. Mọi người phấn khởi vì giờ mong đợi đã đến. Đến 16 giờ cùng ngày, một sự kiện xảy ra mà không ai ngờ tới, Chín Lợi đạo trưởng giáo phái Cao Đài (Tây Ninh) cùng 200 tên tay chân, có vũ khí, ủa vào quận lỵ lén lút, bàn định với nhau, quận Hội giao chính quyền cho bọn này. Nhân dân hầu như không mấy ai biết đến việc làm của Chín Lợi. Thấy hành động nguy hiểm, đồng chí Bí thư liền thông báo cho tất cả các lực lượng vẫn tiến hành như kế hoạch, đồng thời vạch rõ việc làm của Chín Lợi là âm mưu của địch.

6 giờ sáng ngày 24/8/1945, các đội xung phong nòng cốt là Thanh niên Tiên phong của Chi bộ Long Thành, Bình Sơn đã có mặt làm nhiệm vụ, canh gác ở các ngã đường trên quốc lộ 15, tỉnh lộ 17 và 19. Đặc biệt, xung quanh khu quận lỵ ở thị trấn được bố trí rất nghiêm ngặt. Vào lúc đó, gần một trung đội lính Nhật

đóng ở sở Bà Đầm vẫn án binh bất động. Đến 7 giờ 30 phút đồng bào từ các xã như thác lũ kéo vào thị trấn Long Thành. Đến 9 giờ, thị trấn Long Thành như sôi lên trong biển người, cờ đỏ sao vàng, cờ vàng sao đỏ, tiếng hát, tiếng hô khẩu hiệu vang lên dậy đất. Đúng 10 giờ gần 400 anh em trong lực lượng xung phong có vũ khí chia làm hai cánh kéo vào dinh quận. Tiếp đó Ban khởi nghĩa gồm 19 người do đồng chí Trịnh Văn Dục dẫn đầu tiến vào văn phòng quận trưởng. Lực lượng của địch lúc này chỉ còn 11 tên lính do đội Giám chỉ huy, có vũ khí, nhưng đứng ngơ ngác không dám chống cự. Trong dinh quận, Chín Lợi cùng quận Hội ngồi bên nhau, mặt mày xám ngắt, im lặng. Đồng chí Ba Dục nhân danh chính quyền cách mạng tuyên bố: “Kể từ giờ phút này chính quyền cũ phải chấm dứt hoạt động từ huyện đến xã. Chính quyền cách mạng đại diện cho quyền lợi của nhân dân trong huyện bắt đầu làm việc. Quận trưởng thay mặt chế độ cũ phải giao toàn bộ hồ sơ, sổ sách, kho tàng, vũ khí, thả hết các phạm nhân. Cách mạng là sự nghiệp của mọi người, sẵn sàng khoan hồng cho tất cả những ai đã trót tham gia chế độ cũ”. Sau lời tuyên bố của đồng chí Dục, hàng ngàn người nhất loạt hô vang: “Việt Nam độc lập muôn năm. Chính quyền cách mạng muôn năm”.

Quận Hội từ chức và bàn giao hết hồ sơ sổ sách, kho tàng, vũ khí. Trong lúc đó, Chín Lợi mặt như chàm đỏ, hổ thẹn, ra hiệu cho tay chân lên ra sau nhà rồi trốn mất.

Sau khi giành được chính quyền, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với hơn 3000 người tham dự. Trong buổi mít tinh, đồng chí Trịnh Văn Dục thay mặt Ban khởi nghĩa tuyên bố: “Kể từ giờ phút này chính quyền cũ bị xóa bỏ. Chính quyền cách mạng huyện đại diện cho giai cấp công nhân, nông dân trong huyện ra đời. Kể từ nay nam nữ bình quyền, người dân sống bình đẳng, mọi người sống hạnh phúc”. Sau đó đồng chí giới thiệu Ủy ban cách mạng lâm thời ra mắt đồng bào: Đồng chí Trịnh Văn

Dục, Chủ tịch; ông Võ Văn Truyen, Phó Chủ tịch. Sau lời giới thiệu tiếng hô và tiếng vỗ tay lại vang lên.

“Việt Nam độc lập muôn năm

Mặt trận Việt Minh muôn năm”.

Giữa lúc ấy, phái đoàn cán bộ đại diện cho Xứ ủy, miền Đông là các đồng chí Dương Bạch Mai, Đào Duy Kỳ, Hà Huy Giáp cũng về kịp để dự buổi lễ. Một cuộc họp gấp, gồm các đồng chí đảng viên dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy đã bầu Huyện ủy, bằng cách giơ tay lấy biểu quyết, kết quả đã bầu được:

Đồng chí Trịnh Văn Dục, Bí thư

Đồng chí Vũ Hồng Phô, Phó Bí thư

Đồng chí Trương Văn Kỹ, ủy viên Thường vụ

Đồng chí Nguyễn Văn Phú và đồng chí Lê Thành Liêm, ủy viên.

Đến 17 giờ cuộc mít tinh bế mạc. Tiếng hát, tiếng trống vang lên như không dứt, ca ngợi ngày về vang nhất, ngày người dân Long Thành được hồi sinh, được trở thành người tự do trong một nước độc lập sau hơn 80 năm trong chế độ nô lệ thực dân Pháp.

Tin “Việt Minh đã cướp chính quyền ở quận lỵ”, theo chân những đoàn biểu tình từ thị trấn trở về, như một luồng gió thổi rất nhanh tới tất cả các xóm ấp. Mặc dù chưa thật hiểu nhiều về Việt Minh, Cộng sản, nhưng những người dân lao động Long Thành đều náo nức vui sướng tham gia vào sự kiện lịch sử trọng đại bằng tình cảm của mình, họ tin là sẽ làm thay đổi cả cuộc đời cực nhục đã qua.

Thanh niên Tiền phong mang cờ đỏ sao vàng, cờ vàng sao đỏ kéo tới các nhà làng (nơi làm việc của hội tế xã). Tiếp đến là các lực lượng trung niên, các bô lão. Nhà làng, nhà việc, chật kín những người, vang động tiếng hò reo và tiếng hô khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”...



Ban hội tề các xã lạng lẽ tự giải tán. Ở một số xã, ban hội tề còn tập trung, cử đại biểu đem hồ sơ sổ sách tới nhà làng giao cho Thanh niên Tiền phong. Không một nơi nào có sự phản ứng của chính quyền cũ.

Cùng với quận lỵ, chỉ trong ngày 24/8/1945, chính quyền của toàn bộ 21 xã thuộc huyện Long Thành đã về tay nhân dân. Riêng Phước Khánh do ở biệt lập nên ngày 25/8 mới tổ chức cướp chính quyền và cũng nhanh chóng giành thắng lợi.

Mờ sáng ngày 25/8, khắp các lộ 25, lộ 15, lộ 17 và lộ 19 nườm nượp những người giương cao cờ đỏ sao vàng và gậy tầm vông. Tiếng hô khẩu hiệu âm vang, phá tan bầu không khí vốn rất yên tĩnh của buổi sáng nông thôn. Thực hiện chủ trương của Ủy ban cách mạng lâm thời huyện, dưới sự lãnh đạo của cán bộ Việt Minh và Thanh niên Tiền phong, hàng ngàn công nhân Bình Sơn, An Viễn, Shiph, nông dân Phước Lộc, Thanh Nguyên, An Lợi, Phước Thiên, Phú Hội, Long Tân, Phước An, hăng hái xung phong lên Sài Gòn, Biên Hòa tham gia tuần hành cướp chính quyền.

Khí thế cách mạng sôi nổi và mạnh mẽ của nhân dân làm cho số địa chủ, tề xã hoảng sợ, tự nguyện liên lạc với chính quyền cách mạng xin được lập công bằng cách đóng góp lương thực, thực phẩm và tham gia tiếp tế cơm nước cho các đoàn thể của xã mình.

Cũng trong buổi sáng ngày 25/8, từ quận lỵ, các cán bộ huyện được phân công đi xuống các xã với nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng cơ sở, thu lại các ấn mộc của chính quyền cũ và tổ chức bãi thị, phong tỏa kinh tế bọn Nhật còn ở trong huyện.

Tại sở cao su Bình Sơn “Ủy ban công nhân cách mạng” được thành lập do đồng chí Ba Minh làm chủ tịch. Tiếp đó “Ủy ban công nhân cách mạng” Shiph làm lễ ra mắt đồng bào. Ở xã trong những ngày cuối tháng 8 và đầu tháng 9/1945, các Ủy ban nhân

dân lâm thời xã lần lượt hình thành. Các nơi có sở cao su như Phước An, Bà Ký, Tam Phước... bên cạnh ủy ban nhân dân lâm thời còn thành lập thêm các “Ban Chấp hành công nông liên đoàn” để lãnh đạo công nhân kết hợp tham gia các hoạt động cách mạng địa phương. Mối quan hệ công nông nhanh chóng được thiết lập chặt chẽ.

Một khí thế hùng hực cách mạng, sôi động và hào hứng bao trùm Long Thành trong những ngày đầu khởi nghĩa, khuấy động tới tất cả những xóm ấp xa xôi, hẻo lánh, vốn xưa nay vẫn quen sống trong không khí âm đạm, yên phận và nhẩn nhục. Ngày và đêm, nhiều người bỏ cả đi làm, tập trung tới nhà làng, trụ sở xã, ấp bàn tán, nghe nói chuyện về Việt Minh, ca hát tới khuya, tới sáng. Thanh niên toàn xã đều gia nhập “Thanh niên Tiền phong”. Các vùng Công giáo ở Phú Hội, Phước Khánh cả linh mục, chức sắc và giáo dân cũng tham gia Thanh niên Tiền phong, tham gia họp hội... hòa nhập vào cuộc sống mới.

Để phát huy khí thế thắng lợi của cách mạng, Ủy ban cách mạng lâm thời chỉ đạo tổ chức nhiều cuộc mít tinh quần chúng trong các xã.

16 giờ ngày 26/8, hàng trăm đồng bào già, trẻ, gái, trai các xã Phước Nguyên, An Lợi, Shiph được thông báo nghe Việt Minh diễn thuyết đã tập trung đông đảo nơi ngã ba lộ 15, Tam An. Diễn giả đứng trên chiếc bàn đặt ngay giữa ngã ba nói về Việt Minh giành chính quyền trong cả nước và kêu gọi toàn dân tích cực tham gia xây dựng cuộc sống mới. Người đến trước hào hứng lắng nghe, người đến sau vẫn tiếp tục dồn tới. Chỉ chừng nửa tiếng, ngã ba đã đông nghẹt những người. Cho tới khi giải tán ra về vẫn còn những người đến muộn xuýt xoa, tiếc rẻ “xui quá, vậy là tui tui hỏng được nghe Việt Minh diễn thuyết”. Người nói chuyện tại ngã ba An Lợi hôm đó là đồng chí Dương Bạch Mai, Thanh tra chính trị miền Đông.

Hôm sau, 27/8/1945, tại chợ cũ Long Thành lại có một cuộc diễn thuyết của Huỳnh Thiệu Nghệ, thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong tỉnh Biên Hòa, với gần 1.000 quần chúng tham dự.

\*  
\*\*

Cách mạng tháng Tám ở Long Thành giành thắng lợi sớm nhất trong tỉnh Biên Hòa. Đó là thành quả của một quá trình đấu tranh không ngừng nghỉ của nông dân, công nhân và nhân dân Long Thành xuất phát từ lòng yêu nước và truyền thống bất khuất của dân tộc. Từ trong đêm đen của chế độ phong kiến, thực dân nông dân không có ruộng cày, bị bóc lột địa tô; từ trong cảnh sống tối tăm của “địa ngục trần gian” trong các đồn điền cao, nơi nhân phẩm con người và tính mạng bị coi rẻ, công nhân, nông dân Long Thành đã đứng lên tự mình thay đổi cuộc đời mình.

Đó là thành quả của ý chí kiên cường, nghị lực và quan điểm đấu tranh mới của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua những đảng viên, các Chi bộ Đảng. Những người cộng sản trung kiên với nhiệt tình cách mạng, với phương pháp tuyên truyền hiệu quả từng bước đưa nông dân, công nhân hiểu thế nào là dân chủ, thế nào là quyền tự quyết và yêu quý độc lập tự do, để rồi biến lòng yêu nước thành hành động cụ thể bằng những cuộc mít tinh, đấu tranh và đỉnh cao là theo Đảng đứng lên làm nên cuộc khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

Cách mạng tháng Tám 1945 chấm dứt hơn 80 năm nô lệ tủi nhục của người dân mất nước dưới ách thực dân nửa phong kiến, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc nói chung, nhân dân Long Thành nói riêng đi lên xây dựng đất nước Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi to lớn đó có sức cổ vũ mạnh mẽ và động viên nhân dân quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do non trẻ vừa giành được.

## PHẦN II

ĐẢNG BỘ LONG THÀNH  
LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG  
CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN  
PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

## Chương III

# CỦNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, MẶT TRẬN VIỆT MINH, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG BƯỚC VÀO CUỘC KHÁNG CHIẾN

### I. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ MỌI MẶT CHO KHÁNG CHIẾN

Ngay sau khi giành được chính quyền, Quận ủy Long Thành, Ủy ban cách mạng lâm thời quận triển khai ngay các nhiệm vụ chính trị, đặc biệt sáu nhiệm vụ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố: Diệt giặc đói (lĩnh vực văn hóa giáo dục), giặc đói (lĩnh vực kinh tế đời sống), giặc ngoại xâm (xây dựng lực lượng vũ trang).

Ủy ban công bố bãi bỏ thuế thân, giảm tô tức, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ phong kiến cấp cho dân nghèo để sản xuất. Trước mắt, Ủy ban chỉ đạo tịch thu các kho lương thực của đồn điền, bò nuôi của sở... để giải quyết vấn đề lương thực cho công nhân và hỗ trợ đồng bào nghèo; đồng thời tổ chức, động viên công nhân khai phá rừng làm rẫy, trồng cây lương thực... Những chính sách này giải quyết ngay những khó khăn trước mắt, đồng thời đáp ứng được mong muốn của nhân dân nên được bà con ủng hộ tích cực.

Để tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị, củng cố chính quyền cách mạng, sau khi có ý kiến chỉ đạo của Xứ ủy Nam

bộ <sup>(1)</sup>, Quận ủy, mà trực tiếp là đồng chí Trịnh Văn Dục, Vũ Hồng Phô, chỉ đạo việc vận động xây dựng các tổ chức chính trị và đoàn thể từ huyện đến xã. Đầu tháng 9/1945, Mặt trận Việt Minh quận được thành lập. Ông Nguyễn Văn Chỏi (tức thầy giáo Chỏi) nguyên Đoàn trưởng Thanh niên Tiền phong Long Thành, làm chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh. Đồng chí Vũ Hồng (tức Phô) Phó Bí thư Quận ủy làm phó chủ nhiệm. Đồng chí Lê Trân Châu, đảng viên là ủy viên. Các đoàn thể cứu quốc được thành lập gồm: Hội phụ nữ Cứu quốc <sup>(2)</sup>, Thanh niên Cứu quốc <sup>(3)</sup>, Nông dân Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc, Thiếu nhi Cứu quốc. Ngoài ra Mặt trận còn vận động thành lập tổ chức Công giáo Cứu quốc, Phật giáo Cứu quốc.

So với toàn tỉnh Biên Hòa bấy giờ, bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền và các đoàn thể cách mạng của Long Thành hình thành sớm hơn. Điều này cho thấy tầm nhìn và sự chỉ đạo trực tiếp sâu sát của Xứ ủy Nam bộ, thông qua Ban Cán sự miền Đông.

Đến cuối tháng 9 đoàn thể ở các xã đều thành lập xong. Mỗi đoàn thể có Ban Chấp hành từ 5-7 người, hội viên tham gia rất đông. Nhiều xã hầu như người dân nào cũng tham gia đoàn thể. Nhờ đó, phong trào tăng gia sản xuất đóng góp giúp đỡ kháng chiến trong toàn huyện được đẩy mạnh.

Vẫn thường xuyên liên lạc với Xứ ủy, nên Quận ủy Long Thành nắm chắc được diễn biến tình hình ở Sài Gòn, đặc biệt nhận định thực dân Pháp sẽ quay trở lại xâm lược, bởi chúng

---

<sup>1</sup> Lúc này Tỉnh ủy Biên Hòa vẫn chưa thành lập. Sau Hội nghị Bình Trước đêm 23/9/1945 Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa mới thành lập. Thanh niên Tiền phong chuyển thành Thanh niên Cứu quốc.

<sup>2</sup> Do bà Nguyễn Thị Canh làm hội trưởng, Lâm Thị Huệ hội phó.

<sup>3</sup> Sau Hội nghị Bình Trước đêm 23/9/1945 Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa mới thành lập. Thanh niên Tiền phong chuyển thành Thanh niên Cứu quốc; các đoàn thể cứu quốc hình thành.

không thể từ bỏ những quyền lợi từ khai thác thuộc địa hơn 80 năm trước. Do vậy việc thành lập lực lượng vũ trang để bảo vệ nhân dân, chính quyền là một chủ trương đúng và cần thiết của Quận ủy Long Thành.

Công tác động viên, tuyên truyền về bảo vệ đất nước, bảo vệ nền độc lập non trẻ được Quận ủy chỉ đạo đi trước một bước. Từ thị trấn đến vùng nông thôn, đồn điền đâu đâu cũng xuất hiện trên tường trụ sở, nhà làng, trên tường các nhà, trên biểu ngữ ở các ngã ba, ngã tư những khẩu hiệu cách mạng: “Thanh niên ta không nên do dự hãy lên đường chiến đấu giành độc lập”.

Đội dân quân tự vệ các xã nhanh chóng được thành lập, mỗi đội có từ 30 – 36 đội viên. Dân quân ấp có từ 10 đến 20 người. Các đội dân quân đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Ủy ban lâm thời xã. Hầu như đội dân quân xã nào cũng có 1-2 cây súng và vài ba trái tạc đạn. Số vũ khí đó là do anh em Thanh niên Cứu quốc lợi dụng tâm trạng thất trận của binh sĩ Nhật và khó khăn về kinh tế vì bị ta bãi thị để buộc chúng bán hoặc đổi cho. Ở các trạm gác Thành Tuy Hạ, Cát Lái, lính Nhật muốn đi qua phải đổi đạn, lựu đạn, có khi cả súng. Phước Tân thì thanh niên tổ chức giật súng của lính gác Nhật, lính gác sở cao su. Thanh niên dọc đường 15 truyền nhau kinh nghiệm làm câu liêm móc hàng trên xe Nhật chạy qua, hoặc khôn khéo bố trí để lấy súng của chúng.

Một buổi sáng có 2 chiếc xe quân sự của Nhật từ Long Thành lên Biên Hòa dừng lại bên cầu Sông Buông (Tam Phước). Hai tên lái xe xuống sông lấy nước, bỏ hai khẩu súng trường trên buồng lái. Cơ hội thuận lợi tới, anh em thanh niên liền rủ cả hai tên vào quán bên đường uống nước. Chị em thanh nữ xung quanh và cô bán hàng trò chuyện giỡn cợt với chúng. Trong khi đó, bốn năm thanh niên khác rà tới đứng chặn trước xe. Đợi khi bọn Nhật mê chuyện, hai anh nhảy lên buồng lái lấy súng luôn ngay vô xóm. Tới lúc lên xe, bọn Nhật mới phát hiện ra súng đã mất. Chúng kêu la rồi lên tận hội quán hò hét cự nự ủy ban xã

(bằng tiếng Nhật, chẳng ai hiểu gì cả). Anh em ôn tồn vui vẻ giải thích, ra dấu không biết. Cuối cùng tới 12 giờ trưa, hai tên lính đành lủi thủi lên xe chạy về Biên Hòa. Xã Tam Phước có thêm hai cây súng trường trang bị cho dân quân chiến đấu.

Ngày 14/9, Quận ủy và Ủy ban tổ chức một cuộc mít tinh với đông đủ đại biểu và Thanh niên Cứu quốc các xã, phát động tinh thần toàn dân cứu nước. Sau cuộc mít tinh, gần 100 thanh niên hăng hái ghi tên tòng quân. Từ 16/9 đến 21/9 đã có 77 thanh niên tự nguyện lên quận tập trung. Đội “Cộng hòa vệ binh” đầu tiên của Long Thành được thành lập với 11 khẩu súng trường thu được của lính mã tà sau khởi nghĩa, còn lại là tầm vông, giáo mác.

Ngoài đội Cộng hòa vệ binh ở Long Thành còn hình thành một số tổ chức vũ trang mang tính tự phát.

Tại tổng Thành Tuy Hạ, Ban Đồng Nai – là Ban thủ lĩnh của một đoàn Thanh niên Tiên phong gồm gần 200 công nhân cao su sở Ba Lãng-xi và công nhân Thành Tuy Hạ do Nguyễn Văn Đọt phụ trách, thường gọi là “thủ lãnh Đọt”, cũng xây dựng một lực lượng vũ trang tập trung gồm 20 người với 7 súng. Ban Đồng Nai cũng như lực lượng vũ trang của Ban tuy là người Long Thành, hoạt động trên đất Long Thành nhưng lại không quan hệ gì với Quận ủy, Ủy ban lâm thời quận mà nhận nhiệm vụ trực tiếp từ Ủy ban kháng chiến Nam bộ ở Sài Gòn.

Giữa tháng 9/1945, theo lệnh của Đồng minh, quân Nhật ở Thành Tuy Hạ đã giao lại kho đạn cho thực dân Pháp quản lý. Buổi sáng ngày 20/9, từ Sài Gòn có hai xuồng máy, mỗi xuồng chở ba tên Pháp ngược sông Sâu vào Thành Tuy Hạ. Được tin, anh em trong đội vũ trang của Ban Đồng Nai liền phục kích chặn đường về của chúng. Gần 3 giờ chiều, hai chiếc ho-bo quay trở lại. Đợi cho chúng lọt vào trận địa, các chiến sĩ đồng loạt nổ súng. Bọn Pháp hoảng sợ chui hết vào khoang thuyền, tăng ga cho tàu chạy thục mạng. Hôm sau, chúng đưa một đại đội về bảo



vệ việc tiếp quản kho, nhưng nhà máy làm mủ của Thành Tuy Hạ đã bị Cảm tử quân Đồng Nai phá trong đêm đó.

Tiếng súng trên sông Sâu ngày 20/9 là câu trả lời đanh thép của nhân dân Long Thành đối với bọn thực dân Pháp xâm lược, thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ quê hương.

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn. Nhân dân Sài Gòn, Gia Định đứng lên chiến đấu mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn Nam bộ.

Ngay trong đêm 23/9/1945, đồng chí Hà Huy Giáp, thay mặt Xứ ủy triệu tập và chủ trì hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại nhà hội Bình Trước<sup>(1)</sup>. Hội nghị đã chủ trương xây dựng Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, đào tạo cán bộ quân sự cho tỉnh, đồng thời chủ trương tiến hành “Tiêu thổ kháng chiến” và nhiều biện pháp để chuẩn bị kháng chiến. Đồng chí Trần Công Khanh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời, Hoàng Minh Châu, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Long Thành hùng hực khí thế sẵn sàng chiến đấu. Các đội tuyên truyền xung phong được thành lập. Khắp các xã, ấp vang lên khẩu hiệu “Thà chết không làm nô lệ cho giặc Pháp”. Trong sân nhà hội Long Thành – trụ sở của Ủy ban nhân dân lâm thời quận – ngày nào, từ sáng sớm tới xẩm tối, cũng vang dậy tiếng bước chân đi đều, tiếng hô “Một! Hai!” của các chiến sĩ Cộng hòa vệ binh. Anh em tập đội ngũ, tập tháo ráp, sử dụng súng, tập các động tác cơ bản trong chiến đấu, tập võ thuật, đánh dao, bắn ná...

Để phục vụ cho Cộng hòa vệ binh và cán bộ, đồng bào qua lại công tác ở quận, Ủy ban nhân dân thành lập một ban tiếp tế do đồng chí Ba Liêm ủy viên tài chính huyện, phụ trách đóng trụ sở tại chợ cũ Long Thành. Gạo, mì, khoai, bắp, cá, rau, thịt đều

---

<sup>1</sup> Nay là nhà truyền thống thành phố Biên Hòa.

do ban tiếp tế các xā vận động đồng bào đem đến. Chị em phụ nữ, đồng bào thị trấn mỗi ngày vài ba chục người tự nguyện tham gia vận chuyển, nấu nướng phục vụ. Ngày nào tại ban tiếp tế quận cũng có cả trăm người ăn uống. Có bữa tối vài ba trăm, ồn ào tấp nập hàng tháng liên tục.

Long Thành có vị trí quan trọng, kênh rạch nối liền với Sài Gòn, do vậy sau khi mặt trận Sài Gòn – Gia Định tan vỡ, nhiều lực lượng tham gia kháng chiến ở Sài Gòn đã rút về Long Thành đứng chân. Các lực lượng đều được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Long Thành ủng hộ, tiếp tế. Nhưng thực tế ở giai đoạn đầu sau tháng 9/1945 khi thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ, mới bộc lộ hết những thiếu sót trong công tác xây dựng phát triển vũ trang bấy giờ.

Cuối tháng 9, từ vùng giáp ranh Sài Gòn – Thủ Đức, một đơn vị Cộng hòa vệ binh chiến đấu độc lập hết đạn, lương thực rút về Long Thành. Đơn vị gồm 50 chiến sĩ với 12 súng các loại. Theo đề nghị của Ban chỉ huy đơn vị này, Ủy ban nhân dân lâm thời Long Thành đã quyết định tiếp nhận và sáp nhập vào lực lượng Cộng hòa vệ binh quận. Lực lượng Thủ Đức, sau đó được bố trí về đóng quân tại Bến Cam (Phước Thiện).

Cũng vào cuối tháng 9, một lực lượng vũ trang khác gồm hơn 70 người và 20 súng về đóng quân rải rác vùng Phước Long, Bà Ký và Cầu Xéo (thị trấn). Lực lượng này do Nguyễn Văn Du và Trịnh Công Tây chỉ huy. Ít ngày sau lại có thêm một toán vũ trang khác do Nguyễn Văn Trục và Lê Văn Cảnh cầm đầu về sáp nhập cùng bộ phận của Tây, Du và tự xưng là “đệ nhị sư đoàn”<sup>(1)</sup>. Chiến sĩ đệ nhị sư đoàn hầu hết là công nhân, nông dân và học sinh tham gia cách mạng với tinh thần yêu nước chống xâm lược. Nhưng số chỉ huy trước đây đều thuộc tầng lớp trung lưu, lính cũ

---

<sup>1</sup> Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Ủy ban hành chính Nam bộ tại Sài Gòn thành lập 4 đơn vị Cộng hòa vệ binh.

của Nhật, Pháp <sup>(1)</sup>. Do đó, bốn tên Tây, Du, Trục, Cảnh không những không đánh Pháp mà lại gây nhiều hại rất nhiều đối với nhân dân các vùng chúng đi qua. Chán ghét tình cảnh đó, nhiều chiến sĩ lần lượt bỏ đệ nhị sư đoàn, gia nhập các đơn vị khác đánh giặc. Vì thế tới khi về Long Thành, lực lượng đệ nhị của Tây, Du, Trục, Cảnh chỉ còn hơn 100 quân với gần 40 súng các loại.

Khi mới về huyện, cũng như mọi lực lượng vũ trang cách mạng khác, đệ nhị sư đoàn được nhân dân nhiệt tình đón tiếp, ủng hộ lương thực, thực phẩm và giúp đỡ phương tiện đi lại. Nhưng chỉ ít ngày sau Trục, Cảnh, Tây, Du đã lộ rõ bản chất thổ phỉ của chúng với các hành động như cướp bóc, tống tiền, dùng vũ lực cưỡng bức đồng bào, uy hiếp chính quyền xã bắt nộp heo, gà, thóc, gạo. Đồ đạc gì cần, chúng cho lính vào nhà dân khuân ra tự nhiên, gọi là “sung công cho bộ đội đánh Pháp”.

Lực lượng do Trục, Cảnh, Tây, Du chỉ huy không chịu sự lãnh đạo của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận mà trực tiếp với Ủy ban kháng chiến miền Đông, lúc này do Lương Văn Tương, một phần tử trót-kít, làm ủy viên trưởng (đóng tại ngã ba dốc Sỏi Biên Hòa). Khi Tây, Du mới về, đồng chí Trịnh Văn Dục, Bí thư Quận ủy đã giao cho đội Giám, lúc đó là chỉ huy lực lượng Cộng hòa vệ binh huyện tới liên hệ phối hợp hoạt động kháng chiến. Không những đã không thi hành nhiệm vụ mà ngược lại, với bản chất là một tên đội khổ đở của Pháp, đội Giám lại nhập luôn với Tây, Du và lôi kéo thêm nhiều tên lưu manh, anh chị tham gia

---

<sup>1</sup> Thành phần ban chỉ huy bộ phận “đệ nhị sư đoàn” đóng ở Long Thành gồm:

- Nguyễn Văn Trục chỉ huy, trước cách mạng tháng Tám là một viên chức ngành bưu điện của Pháp, sau đó làm cho Nhật.
- Nguyễn Văn Du chỉ huy phó, trước cách mạng tháng Tám là lính khổ đở cho Pháp.
- Trịnh Công Tây chỉ huy phó là một viên chức của Pháp.
- Lê Văn Cảnh tham mưu trưởng quê xã Phước Lai, nguyên là lính mật thám Pháp.

hoạt động thổ phỉ. Trong khi đó, Lương Văn Tương còn ký quyết định cho Trịnh Công Tây làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Long Thành, gọi là “Ủy viên trưởng”, đội Giám làm “phó Ủy viên trưởng”. Việc làm này càng tăng thêm quyền lực cho bọn thổ phỉ và khó khăn thêm cho chính quyền cách mạng trong những ngày đầu trúng nước. Ở Long Thành, dường như có hai chính quyền điều khiển công việc xã hội trái ngược nhau: chính quyền cách mạng và chính quyền quân phiệt.

Trước tình hình ấy Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận một mặt cố gắng thuyết phục, dàn xếp với Tây, Du, Trục, Cảnh để giảm bớt tình trạng nhân dân hoang mang căng thẳng ở những vùng chúng khống chế kiểm soát; mặt khác vẫn ra sức đẩy mạnh phong trào cách mạng địa phương.

Cuối tháng 10/1945, tỉnh Biên Hòa tăng cường cho Long Thành 11 cán bộ quân sự vừa tốt nghiệp Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu (Biên Hòa) với 11 khẩu súng trường. Đây là những cán bộ quân sự cách mạng chính quy đầu tiên của quận. Ngay sau khi về, số cán bộ này đã được giao nhiệm vụ tổ chức trường quân chính. Giữa tháng 11, khóa quân chính đầu tiên được khai giảng ở Hang Nai (Phước An) với 16 học viên là cán bộ dân quân các xã, ấp trong toàn quận <sup>(1)</sup>.

Để tăng cường sức mạnh quân sự, thống nhất các lực lượng vũ trang, huyện ủy đã cử các đồng chí Trương Minh Ký, Nguyễn Văn Lược tới Ban Đồng Nai vận động Ba Đọt hợp nhất lực lượng của mình với Cộng hòa vệ binh Long Thành. Kết quả của cuộc vận động là tới cuối tháng 10, toàn bộ lực lượng vũ trang của Ban Đồng Nai đã sát nhập về huyện.

---

<sup>1</sup> Từ năm 1948, đơn vị cấp quận chuyển gọi là huyện, quận ủy là huyện ủy. Để thống nhất tên gọi, từ đây gọi quận Long Thành là huyện và quận ủy là huyện ủy.